



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM
VIETNAM SANITARY AND PHYTOSANITARY NOTIFICATION AUTHORITY AND ENQUIRY POINT



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 25, THÁNG 9 / 2022

CƠ QUAN XUẤT BẢN: VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM





BẢN TIN SPS VIỆT NAM

Cơ quan chủ quản

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHIỤ TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

TS. Lê Thanh Hòa

Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

BAN BIÊN TẬP

TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng Ban

(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)

ThS. Nguyễn Quốc Chính

KS. Nguyễn Tử Cương

ThS. Trần Thùy Dung

TS. Nguyễn Thu Hồng

ThS. Trần Diễm Hồng

KS. Lê Anh Ngọc

ThS. Trần Thị Tú Oanh

PGS. TS. Nguyễn Anh Thu

ThS. Vũ Thị Hải Yến

Thư ký Ban biên tập

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 37344764, Fax: 024 37349019

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 19/GP-XBBT ngày 12/4/2022

của Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền Thông

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm

CHUYÊN MỤC

THÔNG TIN - HOẠT ĐỘNG

- 51 mã số vùng trồng, 25 cơ sở đóng gói sầu riêng đủ điều kiện xuất sang trung quốc 3
- Tăng cường phổ biến, cập nhật thông tin về SPS để khai thác hiệu quả EVFTA 3

Ý KIẾN - TRAO ĐỔI

- Dự thảo sửa đổi phụ lục ii và iii của quy định (ec) số 396/2005 của nghị viện Châu Âu và của hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với Isoxaben, Novaluron và Tetraconazole trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định 3
- Thông báo của Hoa Kỳ về quy định đã thông qua hoặc có hiệu lực đối với chất phụ gia tạo màu Canxi cacbonat 3
- Dự thảo của Singapore về quy định thực phẩm 2022 (yêu cầu ghi nhãn đối với thực phẩm đóng gói sẵn) 3
- Dự thảo lệnh của bộ chính sách nông nghiệp và thực phẩm Ukraine “về việc phê duyệt các yêu cầu vệ sinh đối với sản xuất và đưa vào thị trường các sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật” 3
- Nghị quyết của nội các bộ trưởng Ukraine ngày 10 tháng 9 năm 2022 số 1029 “về việc sửa đổi đoạn 1 của nghị quyết của nội các bộ trưởng Ukraine ngày 1 tháng 4 năm 2022 số 398” “một số vấn đề về thực hiện các biện pháp và thủ tục KDTV theo quân luật” 3
- Nói lỏng quy định xuất khẩu bún, miến, phở sang EU 3
- 3

VĂN BẢN MỚI

- Dự thảo quy định về SPS của các nước thành viên WTO trong tháng 9/2022

51 MÃ SỐ VÙNG TRỒNG, 25 CƠ SỞ ĐÓNG GÓI SẴU RIÊNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XUẤT SANG TRUNG QUỐC

Tối 7/9, Tổng cục Hải quan Trung Quốc thông báo chi tiết những mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói quả sấu riêng của Việt Nam được phép xuất khẩu sang nước này.

■ **THS.ĐINH ĐỨC HIỆP** - Văn phòng SPS Việt Nam



Ảnh: Nguồn internet

Thông tin từ Cục Bảo vệ Thực vật và Văn phòng SPS Việt Nam, Trung Quốc vừa cho biết 51 mã số vùng trồng và 25 mã số cơ sở đóng gói sấu riêng của Việt Nam đủ đáp ứng yêu cầu của Nghị định thư, đồng thời chấp thuận để sản phẩm sấu riêng từ các cơ sở này xuất khẩu sang nước họ. Trong 51 mã số vùng trồng, Đắk Lắk có 23 mã, Đồng Nai 7 mã, Bình Phước 5 mã, Tiền Giang 3 mã, Bến Tre 2 mã, Long An 2 mã, Bình Thuận 2 mã, Khánh Hòa 2 mã, Kon Tum 2 mã, Đồng Tháp 1 mã, Lâm Đồng 1 mã, Tây Ninh 1 mã.

Với các cơ sở đóng gói: Tiền Giang có 10 mã, Đắk Lắk 4 mã, Bến Tre 3 mã, Đồng Nai 3 mã, Lâm Đồng 2 mã, Đồng Tháp 1 mã, Khánh Hòa 1 mã, Hải Dương 1 mã.

Danh sách các mã số vùng trồng và cơ sở

đóng gói được Hải quan Trung Quốc công bố là kết quả của việc đánh giá toàn diện bởi các chuyên gia Trung Quốc, kết hợp kiểm tra video và xem xét tài liệu trong tổng số 126 mã số vùng trồng và 44 mã số cơ sở đóng gói do Việt Nam đề xuất.

Phía Trung Quốc cũng cho biết, trong nhóm chưa đáp ứng yêu cầu, 50 mã số vùng trồng và 11 mã số cơ sở đóng gói cần cung cấp thêm tài liệu xác minh. Phía bạn cam kết sẽ xem xét đánh giá những mã số này, sau khi họ hoàn thành việc rà soát, khắc phục.

Song song với việc công bố danh sách 51 mã số vùng trồng và 25 mã số cơ sở đóng gói đủ tiêu chuẩn trên website của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, phía bạn cũng khuyến cáo 3 vấn đề.

Thứ nhất, một số vùng trồng còn lẫn các loại cây khác như ngô, cà phê, ổi. Trung Quốc quan ngại, rằng điều này có thể dẫn đến nguy cơ lây nhiễm chéo giữa các loại. Ngoài ra, một số vùng chưa thực hiện theo dõi dịch hại cũng như giám sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đúng cách.

Thứ hai, có sự chênh lệch về trình độ quản lý của các cơ sở đóng gói. Một số nhà xưởng đã cũ, mặt bằng không đủ cứng, vệ sinh môi trường tổng thể chưa đạt, hoặc nhà máy chưa đảm bảo đủ khoảng cách với khu dân cư. Một

số cơ sở đóng gói không vệ sinh bụi và sinh vật gây hại khi cọ rửa bề mặt sầu riêng, có thể dẫn đến ô nhiễm thứ cấp.

Thứ ba, một số vùng trồng và cơ sở đóng gói còn lơ là trong công tác phòng chống virus SARS-CoV-2 khi không có dụng cụ rửa tay.

Về tổng thể, Trung Quốc đánh giá, công tác kiểm dịch, giám sát được thực hiện tốt. Hệ thống phòng ngừa và kiểm soát Covid-19 của doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn. Về cơ bản, sầu riêng Việt Nam đáp ứng được các yêu cầu về nhập khẩu, cũng như vệ sinh an toàn thực phẩm của phía bạn.

Theo Nghị định thư do Trung Quốc và Việt Nam ký kết, trước khi bắt đầu giao thương, phía Trung Quốc sẽ tiến hành rà soát việc tuân thủ Nghị định thư đối với các doanh nghiệp xuất khẩu sầu riêng của Việt Nam.

Để đảm bảo an ninh thương mại và đẩy nhanh quá trình đăng ký của các doanh nghiệp xuất khẩu sầu riêng, Trung Quốc đã tiến hành xác minh từ ngày 15/7 đến ngày 4/9/2022 bằng cả hình thức trực tiếp lẫn trực tuyến. Cục Bảo vệ Thực vật, Văn phòng SPS Việt Nam và các đơn vị liên quan đã tích cực phối hợp để phía bạn hoàn thành quy trình này.



Sầu riêng Việt Nam hiện được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc.

Ảnh: Nguồn Internet

Theo Văn phòng SPS Việt Nam, Trung Quốc vừa cho biết 25 cơ sở đóng gói sầu riêng của Việt Nam được xuất khẩu sang nước này.

Thứ tự	Tỉnh	Tên xưởng đóng gói	Số hiệu đăng ký	Địa chỉ xưởng đóng gói
1	Đồng Nai	AN LOC PHAT IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED	VN-DNPH - 059	Số 10 đường 1, khu công nghiệp Nông Doanh, phường Xuân Tân, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

2	Tiền Giang	TRONG KHAI AGRICULTURAL IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED	VN-TGPH - 744	Ấp Bình Thạnh, xã Tâm Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
3	Tiền Giang	TRUONG THANH FRUIT IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED	VN-TGPH - 747	Ấp 12, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
4	Tiền Giang	VAN HOA DEVELOPMENT INVESTMENT COMPANY LIMITED	VN-TGPH - 753	Ấp Phú Hưng, xã Long Khánh, thị trấn Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
5	Đắk Lắk	VAN XUAN PHAT EXPORT IMPORT COMPANY LIMITED	VN- DLPH -034	Khu B, Cụm công nghiệp Ea Dar, xã Ea Dar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk
6	Bến Tre	VINA T&T EXPORT IMPORT SERVICE TRADING COMPANY LIMITED	VN- BTPH - 036	Ấp Phú Ngãi, xã Phú An Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
7	Bến Tre	CHANH THU EXPORT AND IMPORT FRUIT COMPANY LIMITED	VN- BTPH - 037	Xã Hoà Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
8	Bến Tre	GREEN POWERS COMPANY LIMITED	VN- BTPH - 038	Ấp 2, xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
9	Đồng Nai	Thanh Trung packing house	VN-DNPH - 060	Ngã tư Suối Chơn, phường Bảo Bình, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
10	Đồng Nai	THUAN HUONG PRODUCTION TRADING COMPANY LIMITED	VN-DNPH - 061	Xã Phú Túc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai
11	Lâm Đồng	Long Thuy Ltd Company	VN- LDPH - 008	Thôn 6, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
12	Tiền Giang	SONG TOAN PHAT SERVICES TRADING COMPANY LIMITED	VN-TGPH - 742	Xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
13	Tiền Giang	MSH Fruits Intertrade Import-Export Company Limited	VN-TGPH - 752	Ấp 12, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

14	Đắk Lắk	Dung Thai Son Company	VN- DLPH -037	Tân Quang, xã Ea Kêh, huyện Krong Pak, tỉnh Đắk Lắk
15	Đắk Lắk	Minh Thien Company	VN- DLPH -038	Tân Hưng, xã Ea Knuc, huyện Krong Pak, tỉnh Đắk Lắk
16	Khánh Hòa	SEA MORNING STORAGE JOINT STOCK COMPANY	VN-KHPH-004	Lô 110-111-112 Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
17	Lâm Đồng	TRUNG BAO TIN GROUP JOINT STOCK COMPANY	VN-LDPH-006	Xã Hạ Lâm, huyện Đạ Hoai, tỉnh Lâm Đồng
18	Tiền Giang	NHU THUY TIEN IMPORT EXPORT ONE MEMBER COMPANY LIMITED	VN-TGPH-741	Ấp Phú Hưng, xã Long Khánh, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
19	Tiền Giang	THUY FRUITS ONE MEMBER COMPANY LIMITED	VN-TGPH-743	75 Ấp Thái Hoà, xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
20	Tiền Giang	HUNG HA IMPORT EXPORT SERVICE TRADING ONE MEMBER CO.,LTD	VN-TGPH-745	Xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
21	Tiền Giang	Ngu Hiep Durian Cooperative	VN-TGPH-748	Xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
22	Tiền Giang	Tam Thuy Company Limited	VN-TGPH-751	Xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
23	Đắk Lắk	CHH VIETNAM AGRICULTURAL PRODUCT TRADE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY	VN-DLPH-035	Ea Yong A2, phường Ea Yông, huyện Krong Pak, tỉnh Đắk Lắk
24	Đồng Tháp	WESTERNFARM COMPANY LIMITED	VN-DTPH-021	Xã An Định, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
25	Hải Dương	AMEII VIET NAM JOINT STOCK COMPANY	VN-HDPH-126	Xã Thanh Xá, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

TĂNG CƯỜNG PHỔ BIẾN, CẬP NHẬT THÔNG TIN VỀ SPS ĐỂ KHAİ THÁC HIỆU QUẢ EVFTA

TS. Lê Thanh Hòa, Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam chia sẻ nhiều vấn đề cho doanh nghiệp khi xuất khẩu sang EU, tại Hội nghị ngày 28/9.

■ **BUI MINH PHONG** - Văn phòng SPS Việt Nam



TS. Lê Thanh Hòa, Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam phát biểu tại hội nghị.

Ảnh: Nguyễn Minh Phong

Tại Hội nghị phổ biến các tiêu chuẩn quy định và thực thi cam kết về SPS trong EVFTA, TS. Lê Thanh Hòa, Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam cho biết, Bộ NN-PTNT đã sớm ban hành kế hoạch thực hiện các cam kết về an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật (SPS) ngay sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực hồi tháng 8/2020.

"Các nhóm hoạt động chính được quan tâm là công tác tuyên truyền phổ biến, cập nhật thông tin về SPS trong EVFTA. Đồng thời, công tác rà soát cơ chế chính sách và tăng cường

quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm theo đúng quy định của EU cũng cần được coi trọng", ông Hòa nói.

Là một thị trường được đánh giá là khó tính, EU đặc biệt lưu ý đến những quy định về nguy cơ nhiễm vi sinh vật, hóa chất đối với rau, quả xuất khẩu vào EU; rủi ro mất an toàn thực phẩm thủy sản liên quan đến dư lượng các hóa chất kháng sinh cấm, thuốc diệt ký sinh trùng, dư lượng độc tố thủy sản, kim loại nặng, phụ gia chế biến thủy sản, nhiễm vi sinh vật...

Đối với các nhà sản xuất, chế biến xuất khẩu, EU yêu cầu doanh nghiệp cần đạt một

số hệ thống chứng nhận an toàn thực phẩm như ISO 22000 hay HACCP; tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm (TCCS), kiểm tra giám sát chất lượng, quy chế truy xuất nguồn gốc từ nguyên liệu - thành phẩm - phân phối, triệu hồi sản phẩm...

Trên cơ sở đó, Giám đốc Lê Thanh Hòa khuyến nghị doanh nghiệp trong nước cần đầu tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người sản xuất và chế biến. Ngoài ra, doanh nghiệp phải có chiến lược đầu tư xây dựng vùng trồng hay hợp tác với người sản xuất thiết lập các quy trình sản xuất đảm bảo đáp ứng các yêu cầu an toàn thực phẩm; có kế hoạch giám sát các mối nguy trong toàn bộ quá trình sản xuất, đặc biệt là mối nguy về vi sinh vật và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

"Các chương trình giám sát không chỉ riêng đối với việc sản xuất, chế biến sản phẩm mà còn là cả các vấn đề lao động, môi trường. Trong tương lai, các thị trường khác nhiều khả năng sẽ đưa ra những yêu cầu tương tự như EU. Do đó, việc sớm đáp ứng các quy định này sẽ giúp hàng hóa của doanh nghiệp có thể xuất khẩu đến bất cứ thị trường nào trên thế giới", ông Hòa nhấn mạnh.

Qua 2 năm thực thi Hiệp định EVFTA, kim

ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU đạt khoảng 83 tỷ USD, mức tăng trưởng xấp xỉ 15%. Riêng năm 2021, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam - EU đạt hơn 57 tỷ USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, Việt Nam xuất khẩu hơn 40 tỷ USD, tăng 14,2% và tiếp tục xuất siêu sang EU khoảng 23,2 tỷ USD. Riêng lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU đạt 3,2 tỷ USD, tăng 11,1% so cùng kỳ 2020.

Song song với đó, doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý tới các xu hướng tiêu dùng mới liên quan đến kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường... để có chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp, đáp ứng các xu hướng này.

EVFTA giúp đưa hầu hết các loại thuế về mức 0%, nhưng đồng thời rào cản kỹ thuật sẽ được phía EU ngày một nâng cao. Để đáp ứng được trước tình hình mới, Văn phòng SPS Việt Nam đề nghị doanh nghiệp củng cố, xây dựng nhiều kênh trao đổi thông tin quy định về an toàn thực phẩm của thị trường giữa cơ quan quản lý và nhà sản xuất, xuất khẩu.

Đây chính là cơ sở để công tác xử lý kiểm dịch cho từng loại sản phẩm rau quả xuất khẩu đáp ứng đúng, đủ quy định của các thị trường. ■

DỰ THẢO SỬA ĐỔI PHỤ LỤC II VÀ III CỦA QUY ĐỊNH (EC) SỐ 396/2005 CỦA NGHỊ VIỆN CHÂU ÂU VÀ CỦA HỘI ĐỒNG LIÊN QUAN ĐẾN MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA ĐỐI VỚI ISOXABEN, NOVALURON VÀ TETRACONAZOLE TRONG HOẶC TRÊN MỘT SỐ SẢN PHẨM NHẤT ĐỊNH

■ **THS. TRẦN THÙY DUNG** - Cục bảo vệ thực vật

Căn cứ vào Hiệp ước về Chức năng của Liên minh Châu Âu.

Xét Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện

và Hội đồng Châu Âu ngày 23 tháng 2 năm 2005 về mức dư lượng thuốc trừ sâu tối đa trong hoặc trên thực phẩm và thức ăn có nguồn gốc động



Ảnh: Nguồn Internet

vật và thực vật và sửa đổi Chỉ thị của Hội đồng 91/414/EEC1, và đặc biệt là Điều 14(1), điểm (a), Điều 18(1), điểm (b) và Điều 49(2) ,

Nhưng trái lại:

1. Đối với mức dư lượng tối đa của isoxaben, novaluron và tetraconazole ('MRLs') được quy định trong Phần A của Phụ lục III của Quy định (EC) số 396/2005.

2. Đối với isoxaben, Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu ('Cơ quan') đã đưa ra ý kiến hợp lý về việc xem xét các MRL hiện có theo Điều 12(1) của Quy định (EC) Số 396/20052. Cơ quan khuyến nghị hạ thấp các MRL hiện có đối với trái cây và hạt cây, rau củ và củ, rau lấy củ, dưa, bí ngô, rau muống, họ, lá cần tây, rau thân, hạt có dầu và trái cây có dầu, ngũ cốc và rễ rau diếp xoăn, phù hợp với nguyên tắc thiết lập MRL ở mức thấp nhất có thể đạt được một cách hợp lý và dựa trên dữ liệu hỗ trợ đầy đủ cho các thực hành nông nghiệp tốt hiện tại ('GAPs'). Khuyến nghị nên giữ các MRL hiện có cho bí xanh và đậu (tươi, không có vỏ) dựa trên dữ liệu hỗ trợ đầy đủ cho các GAP hiện tại. Vì không có rủi ro cho người tiêu dùng với bất kỳ MRL nào trong số đó, nên việc đặt MRL cho các sản phẩm đó trong Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 ở mức do Cơ quan có thẩm quyền xác định là phù hợp

3. Đối với isoxaben, Cơ quan thẩm quyền

kết luận thêm rằng các MRL đối với cây xô thơm, hương thảo, cỏ xạ hương, húng quế, hạt bông, hỗn hợp thảo mộc (khô, hoa), hỗn hợp thảo mộc (khô, rễ) và hoa bia nên được đặt ở mức giới hạn hiện tại xác định ('LOD') cụ thể cho từng sản phẩm, phù hợp với nguyên tắc đặt MRL ở mức thấp nhất có thể đạt được một cách hợp lý và dựa trên GAP hiện tại. Tuy nhiên, vì một số thông tin không có sẵn, nên cần phải xem xét thêm bởi các nhà quản lý rủi ro. Mặc dù các MRL này được coi là an toàn, do đó chúng sẽ được xem xét lại. Việc xem xét sẽ tính đến các thông tin có sẵn trong vòng hai năm kể từ khi công bố Quy định này. Vì không có rủi ro cho người tiêu dùng nên việc đặt MRL cho các sản phẩm đó theo LOD cụ thể cho từng sản phẩm trong Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 là phù hợp.

4. Đối với novaluron, Cơ quan đã đưa ra ý kiến hợp lý về việc xem xét các MRL hiện có theo Điều 12(1) của Quy định (EC) số 396/20053. Xét đến các lỗ hổng dữ liệu khác nhau về các vấn đề liên quan đến độc tính, bao gồm cả những điều không chắc chắn về các đặc tính có thể gây rối loạn nội tiết của hoạt chất đó, Cơ quan thẩm quyền không thể loại trừ các tác động có hại đối với sức khỏe con người với MRL đối với novaluron trong tất cả các sản phẩm. Do đó, việc đặt MRL cho tất cả sản phẩm tại LOD cụ thể cho từng sản phẩm trong Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 là phù hợp.

5. Đối với tetraconazole, Cơ quan đã đưa ra ý kiến hợp lý về các MRL hiện có theo Điều 12(1) của Quy định (EC) số 396/20054. Khuyến nghị nên giữ MRL hiện tại cho kaki/hồng Nhật dựa trên dữ liệu hỗ trợ đầy đủ cho các GAP hiện tại. Vì không có rủi ro cho người tiêu dùng nên việc thiết lập MRL cho kaki/hồng Nhật Bản trong Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 ở mức do Cơ quan có thẩm quyền xác định là phù hợp.

6. Đối với tetraconazole, Cơ quan thẩm quyền kết luận thêm rằng MRL đối với quả sơn trà, mơ, đào, nho ăn, nho làm rượu, dâu tây, dưa chuột, dưa chuột ri, bí xanh, lúa mạch đen, lúa

mì, củ cải đường, các sản phẩm có nguồn gốc động vật ngoại trừ gan bò và gan ngựa và sữa nên được hạ thấp theo nguyên tắc thiết lập MRL ở mức thấp nhất có thể đạt được một cách hợp lý và dựa trên GAP hiện tại. Nó kết luận rằng các MRL cho táo, lê, mận, quýt, sơn trà, ớt, witloofs, atisô toàn cầu, hạt lanh, hạt cải dầu, lúa mạch, kiều mạch, ngô, kê, yến mạch, gạo, lúa miến và trứng chim nên được duy trì dựa trên hiện tại GAP. Nó kết luận thêm rằng các MRL cho cà chua, cà tím, dưa hấu, bí ngô, dưa hấu, rễ rau diếp xoăn, gan bò và gan ngựa nên được tăng lên dựa trên các GAP hiện tại. Tuy nhiên, vì một số thông tin không có sẵn, nên cần phải xem xét thêm bởi các nhà quản lý rủi ro. Mặc dù các MRL này được coi là an toàn, do đó chúng sẽ được xem xét lại. Việc xem xét sẽ tính đến các thông tin có sẵn trong vòng hai năm kể từ khi công bố Quy định này. Vì không có rủi ro cho người tiêu dùng nên việc đặt MRL cho các sản phẩm đó trong Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 ở các mức do Cơ quan có thẩm quyền xác định là phù hợp.

7. Cơ quan thẩm quyền đã đánh giá mức dư lượng tối đa hiện tại của Codex ('CXLs') theo các ý kiến hợp lý của mình. Để thiết lập MRL, Ủy ban đã tính đến những CXL được coi là an toàn cho người tiêu dùng trong Liên minh.

8. Đối với các sản phẩm không được phép sử dụng các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất isoxaben, novaluron hoặc tetraconazole và không tồn tại dung sai nhập khẩu hoặc CXL, nên đặt MRL ở LOD cụ thể hoặc MRL mặc định nên áp dụng theo quy định tại Điều 18(1), điểm (b), của Quy định (EC) số 396/2005.

9. Ủy ban đã tham khảo ý kiến của các phòng thí nghiệm tham chiếu của Liên minh Châu Âu về dư lượng thuốc trừ sâu về nhu cầu điều chỉnh một số LOD. Đối với tất cả các hoạt chất được quy định trong Quy định này, các phòng thí nghiệm đó để xuất LOD cụ thể cho sản phẩm.

10. Thông qua Tổ chức Thương mại Thế giới, các đối tác thương mại của Liên minh đã

được tư vấn về các MRL mới và ý kiến của họ đã được xem xét.

11. Do đó, Quy định (EC) số 396/2005 cần được sửa đổi cho phù hợp.

12. Đối với isoxaben và tetraconazole, để cho phép tiếp thị, chế biến và tiêu thụ sản phẩm bình thường, Quy định này không áp dụng cho các sản phẩm đã được sản xuất tại Liên minh hoặc nhập khẩu vào Liên minh trước khi MRL mới được áp dụng và đối với mức độ bảo vệ người tiêu dùng cao được duy trì.

13. Nên cho phép một khoảng thời gian hợp lý trôi qua trước khi các MRL mới được áp dụng, để cho phép các quốc gia thành viên, nước thứ ba và các nhà điều hành kinh doanh thực phẩm tự thích ứng với các yêu cầu do việc sửa đổi MRL.

14. Các biện pháp quy định trong Quy định này phù hợp với ý kiến của Ủy ban Thường trực về thực vật, động vật, thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.

Đã thông qua điều này tại:

Điều 1

Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 được sửa đổi theo Phụ lục của Quy định này.

Điều 2

Đối với các hoạt chất isoxaben và tetraconazole trong và trên tất cả các sản phẩm, Quy định (EC) số 396/2005 trước khi được sửa đổi bởi Quy định này sẽ tiếp tục được áp dụng cho các sản phẩm được sản xuất tại Liên minh hoặc nhập khẩu vào Liên minh trước ... [Văn phòng Xuất bản: vui lòng điền ngày 6 tháng sau khi Quy định này có hiệu lực].

Điều 3

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau ngày được công bố trên Công báo của Liên minh Châu Âu. Nó sẽ áp dụng từ ... [Cục xuất bản: vui lòng điền ngày 6 tháng sau khi hiệu lực].

Quy định này sẽ có hiệu lực toàn bộ và được áp dụng trực tiếp tại tất cả các quốc gia thành viên. ■

THÔNG BÁO CỦA HOA KỲ VỀ QUY ĐỊNH ĐÃ THÔNG QUA HOẶC CÓ HIỆU LỰC ĐỐI VỚI CHẤT PHỤ GIA TẠO MÀU CANXI CACBONAT

■ **THS. TRẦN THÙY DUNG** - Cục Bảo vệ thực vật

A. Cơ sở

Canxi cacbonat (CAS 471-34-1) là một loại bột trắng, mịn được điều chế bằng cách nghiền đá vôi có trong tự nhiên hoặc được sản xuất tổng hợp thông qua quy trình kết tủa sử dụng nhiệt, nước và carbon dioxide. Canxi cacbonat ít tan trong nước và phân ly thành ion canxi và cacbonat trong môi trường nước. Canxi có nhiều trong cơ thể con người và là thành phần không thể thiếu của xương, răng và các cấu trúc sinh học khác. Carbonate cũng có trong cơ thể con người, ví dụ, như một thành phần quan trọng của hệ thống đệm pH.



Canxi cacbonat được cho phép theo § 73.70 để sử dụng làm phụ gia màu trong kẹo mềm và kẹo cứng, kẹo bạc hà và trong mực được sử dụng trên bề mặt kẹo cao su, với lượng phù hợp với thực hành sản xuất tốt, ngoại trừ việc nó không được sử dụng để tạo màu cho sô cô la hoặc phần sô cô la của kẹo, vì tiêu chuẩn nhận dạng sô cô la không quy định việc sử dụng phụ gia tạo màu. Canxi cacbonat cũng được cho phép theo § 73.1070 để sử dụng làm phụ gia màu trong thuốc; nói chung, với số lượng phù hợp với thực hành sản xuất tốt. Ngoài ra, canxi cacbonat cấp thực phẩm và đá vôi nghiền (bao gồm không ít hơn 94 phần trăm canxi cacbonat) được xác nhận là thường được công nhận là an toàn trong 21 CFR 184.1191 và 184.1409, tương ứng. Hai quy định này không bao gồm các giới hạn sử dụng trong thực phẩm ngoài thực hành sản xuất tốt hiện hành, mà các quy định của chúng tôi xác định tại § 184.1(b).

Người khởi kiện tuyên bố rằng Canxi cacbonat tuân thủ các thông số kỹ thuật trong phiên bản thứ 10 của Food Chemicals Codex (FCC 10), được đưa vào bằng cách tham khảo § 73.70 (82 FR 51554, ngày 7 tháng 11 năm 2017). Kể từ khi quy định này có hiệu lực, phiên bản thứ 13 của FCC (FCC 13) đã được xuất bản. Các thông số kỹ thuật đối với Canxi cacbonat và đá vôi nghiền đều giống nhau trong cả FCC 10 và FCC 13. Do đó, chúng tôi đang cập nhật công ty của mình bằng cách tham chiếu đến FCC 13. Trong một email ngày 26 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn đồng tình với việc cập nhật tham chiếu FCC từ FCC 10 đến FCC 13.

Người khởi kiện kết luận rằng lượng Canxi cacbonat được yêu cầu sử dụng trong viên nén và viên nang bổ sung chế độ ăn uống là tự giới hạn vì việc bổ sung chất tạo màu trên một mức nhất định sẽ không kinh tế và/hoặc có hậu quả bất lợi đối với chất lượng của chất bổ sung chế độ ăn uống. Bởi vì nguyên đơn kết luận rằng lượng canxi cacbonat được sử dụng làm phụ gia tạo màu trong viên nén và viên nang bổ sung chế độ ăn uống sẽ tự giới hạn, nên họ không đề xuất bất kỳ dung sai hoặc giới hạn nào khác. Chúng tôi xác định rằng không cần có giới hạn trên cụ thể cho việc sử dụng canxi cacbonat này (Tham khảo 1).

B. Đánh giá an toàn

Theo mục 721(b)(4) của Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang (Đạo luật FD&C) (21 U.S.C. 379e(b)(4)), chất phụ gia tạo màu có thể không được liệt kê cho một mục đích sử dụng cụ thể trừ khi dữ liệu và thông tin có sẵn cho FDA xác định rằng phụ gia màu an toàn cho mục đích sử dụng đó. Các quy định về chất phụ gia màu của chúng tôi tại 21 CFR 70.3(i) định nghĩa "an toàn" có nghĩa là có bằng chứng thuyết phục xác lập một cách chắc chắn hợp lý rằng sẽ không có hại gì xảy ra do mục đích sử dụng chất phụ gia màu.

Để thiết lập một cách chắc chắn hợp lý rằng chất phụ gia tạo màu dự định sử dụng trong thực phẩm không gây hại trong các điều kiện sử dụng dự kiến của nó, chúng tôi xem xét mức độ phơi nhiễm dự kiến của con người đối với chất phụ gia tạo màu; dữ liệu độc tính của chất phụ gia; và các thông tin liên quan khác (chẳng hạn như tài liệu đã xuất bản) có sẵn cho chúng tôi. Chúng tôi so sánh mức độ phơi nhiễm ước tính trong chế độ ăn uống hoặc lượng ăn vào ước tính hàng ngày (EDI) của phụ gia tạo màu từ tất cả các nguồn thực phẩm với mức ăn vào hàng ngày (ADI) chấp nhận được do dữ liệu độc tính thiết lập. EDI được xác định bằng các dự đoán dựa trên lượng chất phụ gia màu được đề

xuất sử dụng trong các loại thực phẩm cụ thể và dựa trên dữ liệu về lượng tiêu thụ từ tất cả các nguồn chất phụ gia màu. Chúng tôi thường sử dụng EDI cho người tiêu dùng phần trăm thứ 90 của phụ gia màu làm thước đo mức độ phơi nhiễm mãn tính cao.

C. Yêu cầu về sử dụng phụ gia màu an toàn

a) Ước tính mức độ phơi nhiễm trong chế độ ăn uống

Người khởi kiện ước tính rằng lượng canxi cacbonat như một chất phụ gia tạo màu trong chất bổ sung chế độ ăn uống sẽ không vượt quá 24 miligam (mg) trên mỗi chất bổ sung chế độ ăn uống (Tham khảo 2). Nguyên đơn đã sử dụng dữ liệu về chất bổ sung chế độ ăn uống từ Khảo sát kiểm tra sức khỏe và dinh dưỡng quốc gia (NHANES) 2011–2014 để ước tính mức độ tiếp xúc với canxi cacbonat và canxi nguyên tố trong chế độ ăn uống từ việc sử dụng được đề xuất. Từ dữ liệu của NHANES, nguyên đơn xác định rằng dân số Hoa Kỳ từ 2 tuổi trở lên tiêu thụ hai loại thực phẩm bổ sung trong khoảng thời gian 24 giờ ở mức trung bình và năm loại ở mức 90 phần trăm. Chúng tôi lưu ý rằng những giá trị này có thể đại diện cho hai hoặc năm loại thực phẩm bổ sung giống nhau hoặc khác nhau. Khi ước tính phơi nhiễm qua chế độ ăn uống, nguyên đơn cho rằng tất cả các chất bổ sung chế độ ăn uống được tiêu thụ sẽ chứa Canxi cacbonat như một chất phụ gia tạo màu và mỗi chất bổ sung chế độ ăn uống được tiêu thụ có chứa 24 mg Canxi cacbonat. Điều này dẫn đến ước tính phơi nhiễm Canxi cacbonat trong chế độ ăn uống là 48 miligam/người/ngày (mg/p/d) ở mức trung bình và 120 mg/p/ngày ở phân vị thứ 90. Bởi vì Canxi cacbonat bao gồm 40 phần trăm canxi, nguyên đơn lưu ý rằng lượng canxi tiếp xúc tối đa trong chế độ ăn uống từ việc sử dụng Canxi cacbonat này được ước tính là 19 mg/p/d ở mức trung bình và 48 mg/p/ngày ở phân vị thứ 90. Chúng tôi

thường sử dụng EDI cho người tiêu dùng phần trăm thứ 90 của phụ gia màu làm thước đo mức độ phơi nhiễm mãn tính cao.

b) Cân nhắc về độc tính để hỗ trợ tính an toàn của việc sử dụng canxi cacbonat được yêu cầu, nguyên đơn lưu ý rằng canxi cacbonat và đá vôi nghiền được xác nhận là thường được công nhận là an toàn theo §§ 184.1191 và 184.1409, tương ứng. Bản kiến nghị đã tham chiếu đánh giá an toàn của FDA đối với canxi cacbonat trong CAP 6C0307 (Tham khảo 4), dẫn đến việc FDA đưa canxi cacbonat vào danh sách § 73.70. Canxi cacbonat có thể phân tách thành các ion canxi và cacbonat trong môi trường nước, làm cho hai ion này có liên quan đến việc đánh giá mức độ an toàn của canxi cacbonat ăn vào. Dựa trên cấu trúc hóa học và chức năng sinh lý của cacbonat, không cần phân tích thêm về độ an toàn khi tiếp xúc với cacbonat (Tham khảo 4). FDA cũng xem xét các đánh giá an toàn của Viện Y học (IOM) và thông tin an toàn do tìm kiếm các tài liệu đã xuất bản (Tham khảo 4). Trong báo cáo năm 2011 của IOM về lượng canxi và vitamin D hấp thụ tham khảo trong chế độ ăn uống, IOM đã cập nhật các giới hạn trên có thể chấp nhận được khuyến nghị (ULs) đối với canxi trong khoảng từ 2.000 đến 3.000 mg/p/ngày đối với dân số Hoa Kỳ từ 1 tuổi trở lên, dựa trên một tổng quan tài liệu toàn diện (Tham khảo 5). IOM coi UL là mức phơi nhiễm trung bình hàng ngày cao nhất có khả năng không gây nguy cơ ảnh hưởng bất lợi cho hầu hết các cá nhân trong dân số nói chung (Tham khảo 5). Chúng tôi đã tiến hành tìm kiếm tài liệu từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 12 năm 2021 để xác định các ấn phẩm phù hợp với đánh giá an toàn của chúng tôi bằng cách sử dụng một số cơ sở dữ liệu khác nhau (ví dụ: PubMed, Web of Science và ToxNet). Chúng tôi đã xem xét các bài báo được tìm thấy trong tìm kiếm này và các nghiên cứu liên quan khác có sẵn cho

FDA về sự an toàn của canxi và canxi cacbonat (Tham khảo 6). Chúng tôi cũng lưu ý rằng trong lần xem xét an toàn trước đây (Tham khảo 4), chúng tôi đã xác định rằng không cần phân tích thêm về độ an toàn của cacbonat, dựa trên cấu trúc hóa học và chức năng sinh lý của nó (Tham khảo 6). Dựa trên đánh giá của chúng tôi, chúng tôi coi UL do IOM thiết lập đối với canxi (2.000 mg/p/d) vẫn là một tiêu chuẩn thích hợp để đánh giá mức độ an toàn của việc tiếp xúc với canxi trong chế độ ăn uống từ việc sử dụng canxi cacbonat theo yêu cầu (Tham khảo 6). Đối với dân số Hoa Kỳ từ 2 tuổi trở lên, ước tính phơi nhiễm qua chế độ ăn uống ở phân vị thứ 90 thấp hơn UL của IOM là 2.000 mg/p/d. Ngoài ra, phần tài liệu về canxi cacbonat và canxi không đưa ra bằng chứng về mối lo ngại về an toàn khi tiếp xúc với chế độ ăn uống dự kiến (Tham khảo 6). Dựa trên đánh giá của chúng tôi về các tài liệu được xuất bản gần đây và do tỷ lệ phần trăm thứ 90 trong chế độ ăn uống tiếp xúc với canxi từ tất cả các nguồn thực phẩm, bao gồm cả việc sử dụng Canxi cacbonat theo yêu cầu, thấp hơn mức UL được xác định bởi IOM, nên việc tiếp xúc với canxi trong chế độ ăn uống từ việc sử dụng được đề xuất Canxi cacbonat làm phụ gia tạo màu trong viên nén và viên nang bổ sung chế độ ăn uống, bao gồm lớp phủ và mực in, không gây lo ngại về an toàn (Tham khảo 6). Do đó, chúng tôi kết luận rằng có một sự chắc chắn hợp lý là không có hại gì từ việc sử dụng được đề xuất này làm phụ gia màu.

D. Kết luận

Dựa trên dữ liệu và thông tin trong đơn kiện cũng như các thông tin liên quan hiện có khác, chúng tôi kết luận rằng việc sử dụng canxi cacbonat được yêu cầu để sử dụng làm chất phụ gia tạo màu trong viên nén và viên nang bổ sung chế độ ăn uống, bao gồm cả lớp phủ và mực in, là an toàn. Chúng tôi kết luận thêm rằng phụ gia tạo màu sẽ đạt được hiệu

quả kỹ thuật dự kiến và phù hợp với mục đích sử dụng được yêu cầu. Do đó, chúng tôi đang sửa đổi các quy định về chất phụ gia màu trong phần 73 để cung cấp việc sử dụng an toàn chất phụ gia màu này như được nêu trong tài liệu này. Ngoài ra, dựa trên các yếu tố trong 21 CFR

71.20(b), chúng tôi kết luận rằng chúng nhận lô Canxi cacbonat, được đề xuất sử dụng làm phụ gia tạo màu trong viên nén và viên nang bổ sung chế độ ăn uống, bao gồm cả lớp phủ và mực in, là không cần thiết để bảo vệ sức khỏe cộng đồng (Tham khảo 1)



Phụ gia màu thực phẩm

Ảnh: Nguồn Internet

DỰ THẢO CỦA SINGAPORE VỀ QUY ĐỊNH THỰC PHẨM 2022 (YÊU CẦU GHI NHÃN ĐỐI VỚI THỰC PHẨM ĐÓNG GÓI SẴN)

■ NGUYỄN NGỌC BÁCH - Cục chế biến và phát triển thị trường nông sản

Cơ quan thực phẩm Singapore (SFA) đề xuất những điều sau về sửa đổi các yêu cầu ghi nhãn đối với thực phẩm đóng gói sẵn.

A. Sửa đổi quy định 5 của quy định thực phẩm về các yêu cầu chung đối với việc ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn để:

a. Yêu cầu khai báo lô hàng xác định nhà máy sản xuất và lô sản xuất thực phẩm;

b. Yêu cầu công bố hướng dẫn sử dụng hoặc xử lý thực phẩm trong đó cách sử dụng hoặc xử lý thực phẩm không đúng sẽ dẫn đến thực phẩm không an toàn hoặc không phù hợp;



Ảnh: Nguồn Internet

c. Yêu cầu tên quốc gia xuất xứ của thực phẩm phải kèm theo các từ phù hợp (ví dụ: "quốc gia xuất xứ"; "sản phẩm của"; "sản xuất tại", v.v.) và đối với đóng gói thực phẩm tại Singapore phải được khai báo nguồn gốc xuất xứ.

d. Sửa đổi yêu cầu khai báo thành phần như sau:

- Bắt buộc công bố công bố thành phần dưới một tiêu đề thích hợp (ví dụ: "thành phần"); và để các thành phần được liệt kê theo thứ tự giảm dần dựa trên trọng lượng phơi tại thời điểm sản xuất.

- Bắt buộc công bố nước bổ sung theo tuyên bố về thành phần trừ khi:

1. Nước tạo thành một phần của thành phần như nước muối, xi-rô hoặc nước dùng được sử dụng trong thực phẩm hỗn hợp và được khai báo như vậy trong danh sách các thành phần;

2. Nước bị bay hơi trong quá trình sản xuất;

3. Nước chiếm ít hơn 5% thành phẩm; và

4. Nước được sử dụng để hoàn nguyên các thành phần khử nước trong đó lượng nước được thêm vào bằng với lượng nước đã loại bỏ ban đầu trong quá trình sản xuất thành phần khử nước.

c) Miễn khai báo chất hỗ trợ chế biến.

d) Bắt buộc công bố sự hiện diện của bất kỳ chất gây dị ứng nào thu được thông qua việc sử dụng công nghệ sinh học liên quan đến thực phẩm và các thành phần được biết là gây quá

mẫn cho cá nhân (như được liệt kê trong quy định 5 (4) (ea))

e) Cập nhật danh sách các điều khoản chung được phép theo lịch trình đầu tiên của quy định thực phẩm và do đó, hủy bỏ quy định 6 (4).

B. Sửa đổi quy định 6 để miễn thực phẩm được đóng gói trong các đơn vị nhỏ, nơi có diện tích bề mặt lớn nhất dưới 10 cm², kể từ việc khai báo thông tin sau trên nhãn với điều kiện người mua tiềm năng có thể tiếp cận được thông tin qua tài liệu vật lý hoặc một trang web hoặc hồ sơ điện tử khác:

- a) Tuyên bố về thành phần (bao gồm tuyên bố về tartrazine, các thành phần được biết là gây quá mẫn cảm cho cá nhân)

- b) Nhận dạng lô

- c) Tuyên bố cho thực phẩm có chứa aspartame

- d) hướng dẫn sử dụng hoặc xử lý thực phẩm

C. Sửa đổi quy định 9 và 9A của quy định thực phẩm để cấm sử dụng các tuyên bố hoặc gợi ý liên quan đến thực phẩm mà:

- i. Thực phẩm khác không an toàn cho người tiêu dùng;

- ii. Một thành phần trong thực phẩm được xác định là không an toàn cho người tiêu dùng;

- iii. Thực phẩm không chứa chất phụ gia mà không được các quy định cho phép; hoặc

- iv. thực phẩm không chứa bất kỳ chất nào bị cấm trong thực phẩm.



Ảnh: Nguồn Internet

D. Để đưa vào quy định mới 12A đối với thực phẩm được quảng cáo hoặc bán trên nền tảng bán hàng trực tuyến, yêu cầu kê khai các thông tin sau trên danh sách bán thực phẩm đóng gói sẵn:

i. Tên thực phẩm

ii. Danh sách các thành phần (bao gồm công bố về tartrazine và thực phẩm được biết là gây quá mẫn cảm)

iii. Khối lượng và trọng lượng khô

iv. Tên và địa chỉ của nhà sản xuất, đóng gói, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu hoặc bán sản phẩm ở Singapore

v. Tên nước xuất xứ

vi. Hướng dẫn sử dụng hoặc xử lý thực phẩm

E. Bao gồm định nghĩa và tiêu chí cụ thể cho thực phẩm được bán dưới dạng "không chứa gluten", "không chứa gluten tự nhiên" và "cắt giảm gluten". ■

DỰ THẢO LỆNH CỦA BỘ CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM UKRAINE "VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT CÁC YÊU CẦU VỆ SINH ĐỐI VỚI SẢN XUẤT VÀ ĐƯA VÀO THỊ TRƯỜNG CÁC SẢN PHẨM THỰC PHẨM CÓ NGUỒN GỐC ĐỘNG VẬT"

■ **NGUYỄN NGỌC BÁCH** - Cục chế biến và phát triển thị trường nông sản



Ảnh: Nguồn Internet

Dự thảo lệnh phê duyệt các yêu cầu vệ sinh đối với việc sản xuất và đưa ra thị trường các sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật (đã qua chế biến và chưa qua chế biến), cụ thể:

- Thịt động vật móng guốc, thỏ rừng, động vật hoang dã và động vật hoang dã được nuôi trong trang trại;
- Thịt xay hoặc băm nhỏ (thịt xay), thịt bán thành phẩm và thịt của cán máy;
- Các sản phẩm từ thịt;
- Động vật thân mềm hai mảnh vỏ sống, da gai sống, động vật chân bụng sống và động vật chân bụng sống ở biển;
- Các sản phẩm từ cá;
- Trứng và các sản phẩm từ trứng;
- Chân ếch và ốc;
- Mỡ động vật nấu chảy và bánh quy giòn;
- Dạ dày, ruột và ruột đã qua chế biến;
- Chondroitin sulfat tinh khiết cao, axit hyaluronic, các sản phẩm sụn thủy phân

khác, chitosan, glucosamine, rennet, keo cá và axit amin;

- Gelatin và collagen.

Các yêu cầu thiết lập các quy tắc cho các nhà điều hành thị trường thực phẩm về vệ sinh của các sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật, quá trình sản xuất và đưa chúng ra thị trường.

Dự thảo lệnh được phát triển dựa trên các yêu cầu của luật pháp EU, cụ thể là quy định (EC) số 853/2004 của nghị viện châu Âu và của hội đồng ngày 29 tháng 4 năm 2014 đưa ra các quy tắc vệ sinh cụ thể về vệ sinh thực phẩm, quy định (EC) Số 852/2004 của nghị viện châu Âu và của hội đồng ngày 29 tháng 4 năm 2004 về vệ sinh thực phẩm.

Các yêu cầu vệ sinh đối với việc sản xuất và lưu thông trên thị trường các sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật đã được lệnh này chấp thuận sẽ được áp dụng đối với các nhà kinh doanh chợ thực phẩm xuất khẩu hoặc đã khai báo với cơ quan có thẩm quyền về ý định thực hiện việc xuất khẩu đó kể từ ngày nhập cảnh có hiệu lực của lệnh này.

Các yêu cầu vệ sinh đối với việc sản xuất và đưa vào thị trường các sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật, đã được lệnh này chấp thuận, sẽ được áp dụng cho tất cả các nhà điều hành khác của thị trường thực phẩm trong vòng ba năm kể từ ngày chấm dứt hoặc hủy bỏ lệnh thiết quân luật. ■

NGHỊ QUYẾT CỦA NỘI CÁC BỘ TRƯỞNG UKRAINE NGÀY 10 THÁNG 9 NĂM 2022 SỐ 1029 “VỀ VIỆC SỬA ĐỔI ĐOẠN 1 CỦA NGHỊ QUYẾT CỦA NỘI CÁC BỘ TRƯỞNG UKRAINE NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2022 SỐ 398” “MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP VÀ THỦ TỤC KDTV THEO QUÂN LUẬT”

■ **NGUYỄN NGỌC BÁCH** - Cục chế biến và phát triển thị trường nông sản



Ảnh: Nguồn Internet

Nghị quyết cung cấp khả năng khử trùng các lô hàng sản phẩm có nguồn gốc thực vật bên ngoài lãnh thổ hải quan của Ukraine trong thời gian thiết quân luật và theo đó xác định các điều kiện cho việc hun trùng đó.

Để thêm các mục sau vào đoạn 1:

"Khử trùng các lô hàng có đối tượng quy định được xuất khẩu theo Sáng kiến về vận chuyển an toàn ngũ cốc và thực phẩm từ các

cảng của Ukraine, được ký kết theo Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraine ngày 22 tháng 7 năm 2022 Số 626" Về phái đoàn của Chính phủ Ukraine để tham gia vào các cuộc đàm phán đa phương về việc chuẩn bị và phê duyệt dự thảo Sáng kiến về vận chuyển an toàn ngũ cốc và thực phẩm từ các cảng của Ukraine " và thuộc các nhóm 1001, 1003, 1005, 1201 và 1205 của Phân loại hàng hóa của hoạt động kinh tế đối ngoại của (UKT ZED), có thể được tiến hành bên ngoài lãnh thổ hải quan của Ukraine. Trong trường hợp như vậy:

- Xông hơi khử trùng phải được thực hiện tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật số 43 "Yêu cầu áp dụng xông hơi như một biện pháp kiểm dịch thực vật";

- Chủ lô hàng hoặc người được ủy quyền của anh ta phải cung cấp cho thanh tra kiểm dịch thực vật nhà nước hành vi khử trùng (giấy chứng nhận khử trùng) được cấp bởi một người có chứng chỉ và sự thừa nhận của Cơ quan Nhà nước về An toàn thực phẩm và bảo vệ người tiêu dùng của Ukraine theo quy định của Luật Ukraine "Về bảo vệ thực vật";

- kiểm soát việc khử trùng được thực hiện bởi thanh tra kiểm dịch thực vật nhà nước chỉ bằng cách kiểm tra tài liệu / kiểm tra hành động khử trùng (giấy chứng nhận khử trùng);

- Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được cấp nếu có xác nhận tuân thủ các yêu cầu kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu.

Khử trùng các lô hàng với các đối tượng quy định được xuất khẩu và được tiến hành trên lãnh thổ hải quan của Ukraine, được thực hiện theo Quy trình kiểm tra, khảo sát, kiểm tra kiểm dịch thực vật, kiểm tra (phân tích) kiểm dịch thực vật lặp lại (phân tích), giám sát, kiểm tra, giám sát, khử trùng các đối tượng quy định, cấp giấy chứng nhận theo Luật "Kiểm dịch thực vật" của Ukraine, kiểm soát kiểm tra về mặt lấy mẫu và kiểm soát chọn lọc đối với việc tiến hành kiểm tra kiểm dịch thực vật", được thông qua bởi Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraine ngày 15 tháng 11 năm 2019 Số 1177 "Về một số vấn đề thực hiện Luật "Kiểm dịch thực vật" của Ukraine (Ofitsiynny Visnyk của Ukraine, 2020, Số 12, điều 472)". ■

NỖI LỎNG QUY ĐỊNH XUẤT KHẨU BÚN, MIẾN, PHỞ SANG EU

Kể từ ngày 3/7/2022, các lô hàng bún, miến, phở xuất khẩu sang EU không cần bổ sung giấy Chứng nhận an toàn thực phẩm do Bộ Công thương cấp.

■ **NGUYỄN HỮU HÒA** - Đại học Nông lâm Thái Nguyên

Các sản phẩm chế biến từ gạo như bún, miến, phở của Việt Nam được thị trường EU, Mỹ, Nhật Bản đón nhận.

Ngày 13/6/2022, Ủy ban châu Âu (EU) thông báo, đưa các loại bún, miến, phở có nguồn gốc từ Việt Nam ra khỏi danh mục quy



Ảnh: Nguồn Internet

định yêu cầu bổ sung dụng giấy Chứng nhận An toàn thực phẩm, theo Phụ lục 2 Quy định số (EU) 2021/2246.

Quy định mới về các biện pháp kiểm soát thực phẩm xuất khẩu vào EU sẽ có hiệu lực từ ngày 3/7/2022. Sau thời hạn này, các lô hàng bún, miến, phở xuất khẩu sang EU không cần

bổ sung giấy Chứng nhận an toàn thực phẩm do Bộ Công thương cấp.

Nói lỏng quy định cho các mặt hàng bún, miến, phở, nhưng EU tiếp tục duy trì việc yêu cầu bổ sung Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm với các lô hàng mì ăn liền và thanh long có nguồn gốc từ Việt Nam.

Nguyên nhân được EU đưa ra là trong thành phần mì ăn liền có chứa gia vị và một số nguyên liệu, phụ gia khác; đồng thời thanh long vẫn còn nguy cơ về mất an toàn thực phẩm. Một trong những viện dẫn từ EU, là tần suất các lô hàng bị cảnh báo chưa có nhiều tiến bộ.

Theo hướng dẫn của EU, trước khi xuất khẩu mì ăn liền, thanh long, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam phải tiến hành kiểm tra quá trình sản xuất, lấy mẫu kiểm nghiệm. Đây là cơ sở để cấp Giấy Chứng nhận An toàn thực phẩm.



Các sản phẩm bún, miến, phở sẽ không cần Giấy Chứng nhận An toàn thực phẩm khi xuất sang EU, kể từ tháng 7/2022.

Ảnh: Nguồn Internet

Là cơ quan đầu mối của Việt Nam về việc thực thi Chương SPS của Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA), từ tháng 1/2022, Văn phòng SPS Việt Nam đã đề xuất một số phương án nhằm thúc đẩy giải quyết các vướng mắc trong hoạt động xuất, nhập khẩu nông sản và bảo đảm an toàn thực phẩm nông sản giữa hai bên.

Cụ thể, Văn phòng SPS Việt Nam đã phản hồi quy định mới của EU về việc tạm thời tăng tần suất kiểm tra an toàn thực phẩm đối với quả thanh long, tăng tần suất kiểm tra các loại rau gia vị, đậu bắp và ớt; và yêu cầu bổ sung chứng thư với chỉ tiêu Ethylene oxide trong thực phẩm ăn liền.

Đồng thời, SPS Việt Nam cam kết cập nhật tiến độ thực thi cam kết SPS của Hiệp định EVFTA; cập nhật danh sách doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của Việt Nam được phép xuất khẩu vào EU và ngược lại.

Đầu tháng 5/2022, Văn phòng SPS Việt Nam

phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật, đại diện Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan hợp với Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam và các đơn vị kỹ thuật để bàn giải pháp tháo gỡ các vấn đề liên quan đến việc giảm tần suất kiểm tra thanh long và mì ăn liền của Việt Nam.

Ông Ngô Xuân Nam, Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam chia sẻ: “Chúng tôi ghi nhận sự hợp tác của phía EU thời gian qua, đặc biệt là các phiên họp Tiểu ban SPS của Ủy ban hỗn hợp thực thi EVFTA. Chúng tôi mong muốn thống nhất giải pháp và tiến độ để EU giảm tần suất kiểm tra nông sản, thực phẩm của Việt Nam, đặc biệt là quả thanh long và thực phẩm ăn liền”.

Để đạt mục tiêu giảm tần suất kiểm tra thực phẩm ăn liền, thanh long, Văn phòng SPS Việt Nam kêu gọi doanh nghiệp Việt Nam tuyệt đối tuân thủ việc đăng ký, cấp chứng nhận từ cơ quan có thẩm quyền; và giám sát chặt chẽ mức dư lượng trong sản phẩm xuất khẩu.

PHỔ BIẾN RỘNG RÃI QUY ĐỊNH SPS ĐỂ BIẾT NÔNG SẢN VIỆT ĐÚNG Ở ĐÂU

■ **TS. PHẠM DIỆU THUY** - Đại học Nông lâm Thái Nguyên

Phó Giám đốc Sở NN-PTNT tỉnh Sơn La, bà Cẩm Thị Phong nhận xét, công tác tuyên truyền về việc thực thi cam kết SPS là hết sức cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Văn phòng SPS Việt Nam vừa phối hợp Sở NN-PTNT, Sở Công thương, cùng một số UBND huyện trên địa bàn tỉnh Sơn La tổ chức hội nghị phổ biến các quy định và thực thi cam kết SPS các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Với đối tượng là doanh nghiệp, HTX, người dân có nhu cầu xuất khẩu, TS. Đào Văn Cường, chuyên viên Văn phòng SPS Việt Nam chỉ rõ:



TS. Đào Văn Cường, cán bộ Văn phòng SPS Việt Nam.

Nguồn: Minh Phong



Bà Cẩm Thị Phong, Phó Giám đốc Sở NN-PTNT tỉnh Sơn La
Nguồn: Minh Phong

SPS được các quốc gia thành viên tham gia Hiệp định xây dựng, công bố và bắt buộc áp dụng cho tất cả các quốc gia thành viên. Đó cũng có thể do một quốc gia công bố và bắt buộc áp dụng với các quốc gia xuất khẩu.

Theo ông Cường, mỗi quốc gia thành viên WTO chỉ áp dụng các biện pháp SPS được chứng minh đảm bảo khoa học, phù hợp với rủi ro có liên quan. Đồng thời, bên nhập khẩu sẽ đảm bảo các yêu cầu nhập khẩu công bằng, không phân biệt đối xử; đảm bảo minh bạch; các thủ tục nhập khẩu phải đảm bảo giảm thiểu tiêu cực tới thương mại.

Với riêng thị trường EU, Hiệp định EVFTA nêu: Hàng hóa xuất khẩu phải được phía EU cho phép nhập khẩu và được cấp các chứng nhận phù hợp. Ngoài ra, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cần chứng nhận và bảo đảm hàng hóa đáp ứng các điều kiện, yêu cầu của EU.

Theo ông Cường, một số mặt hàng của Việt Nam đặc biệt hưởng lợi từ EVFTA. Ví dụ, EU cam kết thuế 0% dành cho hạn ngạch 80.000 tấn gạo/năm với gạo xay xát và gạo thơm. Riêng mặt hàng gạo tấm không còn hạn ngạch và sẽ xóa bỏ thuế trong 5 năm.

Một số sản phẩm khác được EU cấp hạn ngạch mỗi năm, gồm 500 tấn trứng gia cầm, 400 tấn tỏi, 5.000 tấn ngô, 30.000 tấn bột sắn, 11.500 tấn cá ngừ, 20.000 tấn đường...



TS. Nguyễn Đắc Bình Minh, Viện trưởng Viện Nghiên cứu và phát triển vùng (Bộ Khoa học và Công nghệ)
Nguồn: Minh Phong

Hưởng lợi từ thuế trong các FTA thế hệ mới, nhưng nông sản Việt cũng gặp thách thức với các hàng rào kỹ thuật. Văn phòng SPS Việt Nam cho biết, so với cùng kỳ năm 2021, số lượng cảnh báo từ các thành viên WTO với Việt Nam tăng 12%. Với thị trường EU, cảnh báo nhiều nhất là về dư lượng hóa chất (47,5%).

Làm rõ hơn về các yêu cầu xuất khẩu, TS. Nguyễn Đắc Bình Minh, Viện trưởng Viện Nghiên cứu và phát triển vùng (Bộ Khoa học và Công nghệ) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Theo ông Minh, vấn đề truy xuất nguồn gốc được nhắc đến như một yêu cầu bắt buộc của nhiều FTA đa phương. Riêng thị trường EU, từ 1/1/2005, khối này đã đưa truy xuất nguồn gốc trở thành quy định bắt buộc đối với các nước thành viên của EU.

Với thị trường Trung Quốc, phía bạn yêu cầu từ năm 2019, 9 loại trái cây nhập khẩu chính ngạch từ Việt Nam phải được truy xuất nguồn gốc, gồm: vải thiều, nhãn, dưa hấu, thanh long, chôm chôm, chuối, mít, xoài, măng cụt.

Viện trưởng Minh cũng liệt kê một số công nghệ đang được áp dụng trong truy xuất nguồn gốc, và nhấn mạnh: "Hoạt động này giúp phát hiện, ngăn chặn các hành vi buôn bán hàng nhái, hàng giả... tạo thị trường minh bạch, đảm bảo quyền lợi cho các bên liên quan".

Lắng nghe ý kiến của các đơn vị chuyên môn, bà Cẩm Thị Phong, Phó Giám đốc Sở NN-PTNT tỉnh Sơn La chia sẻ: "Công tác tuyên truyền về việc thực thi cam kết SPS là hết sức cần thiết. Thông qua những hội nghị như vậy, chúng ta mới biết chính xác mình đang đứng chỗ nào, và cần thay đổi ra sao, từ cách sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, cũng như việc ghi chép đảm bảo truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của nước nhập khẩu".

Là vùng nông nghiệp trọng điểm của cả nước, với hơn 82.000 ha cây ăn quả, Sơn La đã chủ động thành lập một tổ công tác, kết nối trực tiếp với các cửa khẩu, nhằm kịp thời

thông báo cho các hội nhóm, giúp HTX sớm nắm thông tin thị trường trước khi vận chuyển hàng hóa.

Sau thành công từ đề án phát triển cây ăn quả trên đất dốc giai đoạn 2015-2020, Sơn La tiếp tục chuyển dịch từ nền nông nghiệp sản lượng sang nâng cao chất lượng hàng hóa, chú trọng những sản phẩm đặc sản, có giá trị hàng hóa lớn, giúp lan tỏa những tiến bộ kỹ thuật nhiều hơn tới người dân.

Đồng thời, tỉnh cũng liên tục đôn đốc, kiểm tra, giám sát các mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói để đảm bảo không bị gián đoạn xuất khẩu.



Mã số vùng trồng không những giúp truy xuất nguồn gốc mà còn gắn chặt sản xuất theo quy trình nhất định.

Ảnh: Nguồn Internet

Làm rõ hơn về các yêu cầu xuất khẩu, TS. Nguyễn Đắc Bình Minh, Viện trưởng Viện Nghiên cứu và phát triển vùng (Bộ Khoa học và Công nghệ) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Theo ông Minh, vấn đề truy xuất nguồn gốc được nhắc đến như một yêu cầu bắt buộc của nhiều FTA đa phương. Riêng thị trường EU, từ 1/1/2005, khối này đã đưa truy xuất nguồn gốc trở thành quy định bắt buộc đối với các nước

thành viên của EU. Với thị trường Trung Quốc, phía bạn yêu cầu từ năm 2019, 9 loại trái cây nhập khẩu chính ngạch từ Việt Nam phải được truy xuất nguồn gốc, gồm: vải thiều, nhãn, dưa hấu, thanh long, chôm chôm, chuối, mít, xoài, măng cụt.

Viện trưởng Minh cũng liệt kê một số công nghệ đang được áp dụng trong truy xuất nguồn gốc, và nhấn mạnh: “Hoạt động này giúp phát hiện, ngăn chặn các hành vi buôn bán hàng nhái, hàng giả... tạo thị trường minh bạch, đảm bảo quyền lợi cho các bên liên quan”.

Lắng nghe ý kiến của các đơn vị chuyên môn, bà Cẩm Thị Phong, Phó Giám đốc Sở NN-PTNT tỉnh Sơn La chia sẻ: “Công tác tuyên truyền về việc thực thi cam kết SPS là hết sức cần thiết. Thông qua những hội nghị như vậy, chúng ta mới biết chính xác mình đang đứng chỗ nào, và cần thay đổi ra sao, từ cách sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, cũng như việc ghi chép

đảm bảo truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của nước nhập khẩu”.

Là vùng nông nghiệp trọng điểm của cả nước, với hơn 82.000 ha cây ăn quả, Sơn La đã chủ động thành lập một tổ công tác, kết nối trực tiếp với các cửa khẩu, nhằm kịp thời thông báo cho các hội nhóm, giúp HTX sớm nắm thông tin thị trường trước khi vận chuyển hàng hóa.

Sau thành công từ đề án phát triển cây ăn quả trên đất dốc giai đoạn 2015-2020, Sơn La tiếp tục chuyển dịch từ nền nông nghiệp sản lượng sang nâng cao chất lượng hàng hóa, chú trọng những sản phẩm đặc sản, có giá trị hàng hóa lớn, giúp lan tỏa những tiến bộ kỹ thuật nhiều hơn tới người dân.

Đồng thời, tỉnh cũng liên tục đôn đốc, kiểm tra, giám sát các mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói để đảm bảo không bị gián đoạn xuất khẩu.



Sơn La có nhiều nông sản với sản lượng đứng Top đầu cả nước

Ảnh: Nguồn Internet

Là một trong những khách mời của hội nghị, ông Nguyễn Văn Phương, Phó Chủ tịch UBND huyện Sông Mã cho biết, huyện tiếp tục xác định thị trường xuất khẩu chính là Trung

Quốc, bên cạnh việc đưa nông sản tiếp cận dần với EU.

“Chúng tôi đã làm việc với một số doanh nghiệp thu mua, nhằm đảm bảo yêu cầu kiểm

dịch thực vật của thị trường nhập khẩu. 3 yếu tố huyện Sông Mã luôn tuyên truyền tới bà con, là mã số cơ sở đóng gói, mã số vùng trồng, và tem truy xuất nguồn gốc. Ngoài ra, là việc thực hiện nghiêm ngặt các tiêu chuẩn như VietGAP, cũng như tạo điều kiện để đưa nông sản đến các trạm Eurofins kiểm nghiệm mức dư lượng trước khi xuất sang EU”, ông Phương nói.

Sông Mã được xem là vựa nhãn của Sơn La, với diện tích khoảng 7.500 ha, sản lượng hàng

năm khoảng 70.000 tấn quả tươi, trong đó 40% tiêu thụ dưới dạng chế biến. Nhờ tận dụng những chính sách của Trung ương, của tỉnh, Sông Mã đã đầu tư, mở rộng nhiều công nghệ như làm long nhãn bằng lò hơi nhiệt.

Huyện hiện có hơn 2.900 lò sấy các loại, công suất có thể đạt 2.000 tấn quả tươi/ngày. Đây là một trong những biện pháp giúp Sông Mã nâng cao giá trị quả nhãn, đồng thời tạo công ăn việc làm cho người dân.



Ảnh minh họa: Nguồn Internet

Qua hội nghị, ông Vũ Đăng Kế, Giám đốc HTX nông nghiệp Mường Bú, huyện Mường La phấn khởi cho biết, đã tiếp thu được nhiều thông tin hữu ích từ các thị trường xuất khẩu. Ông bày tỏ mong muốn, các cơ quan quản lý tạo điều kiện hơn nữa trong việc kết nối tiêu thụ sản phẩm ra nước ngoài.

Ông Dương Văn Đạt, Giám đốc Công ty

TNHH MTV Đạt Thủy, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn đề nghị có những chính sách phát triển, khuyến khích các cơ sở chế biến. Ông mong muốn được góp phần xây dựng thương hiệu nông sản Việt trên trường quốc tế, tránh tình trạng các nước khác nhập khẩu nông sản dưới dạng thô, chế biến sâu, rồi tái xuất đi nước thứ ba.■

CẢNH BÁO VIỆC GIA TĂNG DOANH NGHIỆP VIỆT KHÔNG ĐÁP ỨNG ĐƯỢC YÊU CẦU SPS CÁC VI PHẠM ATTP VỀ DƯ LƯỢNG HÓA CHẤT, Ô NHIỄM VI SINH VẬT VÀ ĐỘC TỔ NẤM MỐC... XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM TĂNG 25 TRƯỜNG HỢP SO VỚI NĂM 2021

9 tháng đầu năm 2022 đã có 59 trường hợp hàng hóa nông thủy sản Việt xuất khẩu sang EU bị thu hồi hoặc cảnh báo do vi phạm những yêu cầu về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS), tăng 25 trường hợp so với năm 2021.

■ **BÙI MINH PHONG** - Văn phòng SPS Việt Nam

Thông tin được ông Lê Thanh Hòa, Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam đưa ra tại Hội nghị “Phổ biến các tiêu chuẩn quy định và thực thi cam kết về SPS trong Hiệp định EVFTA” do Trung tâm Hội nhập quốc tế phối hợp với Hội Lương thực - Thực phẩm TP.HCM (FFA) vừa tổ chức tại TP.HCM.

Trong số này, có 35 trường hợp hàng hóa nông thủy sản của Việt Nam vi phạm mức dư lượng hóa chất, 7 vi phạm ô nhiễm vi sinh vật và độc tố nấm mốc, 17 trường hợp là các vi phạm khác.

Theo ông Trịnh Bá Cường, Tổng thư ký FFA, việc các nước EU đặt ra các yêu cầu kỹ thuật, quy định về SPS, hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) khắt khe chính là thách thức lớn đối với xuất khẩu Việt Nam, nhất là các sản phẩm nông thủy sản, thực phẩm chế biến.

Vi vậy, doanh nghiệp xuất khẩu và nhà sản xuất nông sản cần hỗ trợ để hiểu rõ các cam kết về SPS trong Hiệp định EVFTA, lưu ý với ngành hàng nông thủy sản khi xuất khẩu vào thị trường EU, hướng dẫn theo dõi quy định SPS trong hoạt động xuất khẩu.

Cụ thể, với nhà sản xuất, chế



Quy định SPS là thách thức với nông sản Việt ở thị trường EU

biến xuất khẩu, EU yêu cầu đạt các hệ thống chứng nhận an toàn thực phẩm như ISO 22000 hay HACCP, tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm (TCCS), kiểm tra giám sát chất lượng, quy chế truy xuất nguồn gốc từ nguyên liệu – thành phẩm – phân phối, triệu hồi sản phẩm...

Trong tương lai, các thị trường khác cũng sẽ đưa ra những yêu cầu khắt khe tương tự như EU. Do đó, việc sớm đáp ứng các quy định này

sẽ giúp hàng hóa của doanh nghiệp có thể đi đến bất cứ thị trường nào trên thế giới

Ngoài ra, doanh nghiệp cần lưu ý với các xu hướng mới trong tiêu dùng của thị trường EU liên quan kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường.... Qua đó, yêu cầu doanh nghiệp Việt Nam chuẩn bị và có chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp đáp ứng các xu hướng này. ■

DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CẦN LÀM GÌ ĐỂ VƯỢT “RÀO CẢN” KỸ THUẬT CÁC THỊ TRƯỜNG FTA

Các biện pháp an toàn SPS hay các tiêu chuẩn về hàng rào kỹ thuật trong thương mại thường được xem là “rào cản” cho các quốc gia xuất khẩu vào thị trường FTA.

■ **DƯƠNG THỊ HỒNG DUYÊN** - Đại học Nông lâm Thái Nguyên

Xu hướng gia tăng sử dụng các rào cản kỹ thuật

Nhằm hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp thực hành xuất khẩu bền vững vào các thị trường FTA, sáng 28/9 Trung tâm Hội nhập quốc tế phối hợp với Hội Lương thực thực phẩm TP. Hồ Chí Minh (FFA) tổ chức Hội nghị “Phổ biến các tiêu chuẩn quy định về thực thi cam kết về các biện pháp an toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm dịch dịch động thực vật (SPS) trong Hiệp định EVFTA”.

Theo thống kê 2 năm Hiệp định EVFTA thực thi, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU đạt khoảng 83 tỷ USD với tăng trưởng xấp xỉ 15%. Riêng năm 2021, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam - EU đạt hơn 57 tỷ USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, Việt Nam xuất khẩu hơn 40 tỷ USD, tăng 14,2%. Việt Nam tiếp tục xuất siêu sang EU khoảng 23,2 tỷ USD.

Riêng lĩnh vực nông - thủy sản, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU đạt 3,2 tỷ USD, tăng 11,1% so cùng kỳ 2020. Ông Huỳnh Minh Vũ nhìn nhận, Hiệp định EVFTA cũng như các Hiệp định thương mại Việt Nam đang thực thi đã bước đầu mang lại những hiệu quả tích cực đối với doanh nghiệp, tạo ra tác động tích cực cho hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam nói chung, doanh nghiệp nông nghiệp nói riêng.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, năm 2022, ngành nông nghiệp và các doanh nghiệp đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức. Đặc biệt, trong bối cảnh các Hiệp

định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, UKVFTA) đang được thực thi, hàng rào thuế quan sẽ dần dỡ bỏ, các quốc gia nhập khẩu có xu hướng gia tăng sử dụng các rào cản phi thuế quan (NTM) như là công cụ hợp pháp để bảo vệ thị trường trong nước.

Trong đó, các biện pháp an toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) hay các tiêu chuẩn về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) thường được xem là những “rào cản” cho các quốc gia xuất khẩu. Hiệp định EVFTA được kỳ vọng sẽ tác động sâu rộng đến nền kinh tế nước ta giai đoạn 2021 - 2035, giúp mở rộng cơ hội xuất khẩu, từ đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước.

“Rào cản” kỹ thuật - thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững

Thực tế, thời gian qua, nhiều sản phẩm nông sản và thủy sản xuất khẩu của Việt Nam có mức dư lượng hóa chất nông nghiệp vượt quá mức quy định đã bị Liên minh châu Âu (EU) thu hồi hoặc cảnh báo. Điều này đồng nghĩa với việc nếu chúng ta không đáp ứng được những yêu cầu về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS). Theo đó sản phẩm của chúng ta không thể đi được vào các thị trường đối tác hoặc nếu có thể đi vào thì sẽ bị ngăn chặn do

không đạt tiêu chuẩn, thậm chí có thể bị trả lại, tiêu hủy, gây ra nhiều tổn thất cho doanh nghiệp lẫn hệ thống sản xuất trong nước.

Do đó, doanh nghiệp Việt cần hiểu rõ các yêu cầu này và chỉ cần đáp ứng được thì sẽ mở ra cơ hội rất lớn trong xuất khẩu nông thủy sản Việt Nam sang các thị trường này. Một khi đã xuất khẩu được vào EU – một thị trường có yêu cầu cao, qua đó tạo sự lan tỏa và dễ dàng xuất khẩu vào các thị trường khác.

Nhằm hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp thực hành xuất khẩu bền vững vào các thị trường FTA, tại hội nghị ông Lê Thanh Hòa – Giám đốc Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp Quốc gia về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật (SPS) đã chia sẻ các cam kết về SPS trong Hiệp định EVFTA; lưu ý cho doanh nghiệp ngành hàng nông thủy sản khi xuất khẩu vào thị trường EU; hướng dẫn doanh nghiệp theo dõi, cập nhật các thông báo, quy định SPS trong hoạt động xuất khẩu.

Bà Phan Thị Thu Hiền – Giám đốc Trung Tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu II, Cục Bảo vệ Thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cũng đã cập nhật các tiêu chuẩn, quy định của thị trường EU với hàng hóa nhập khẩu có nguồn gốc thực vật; những lưu ý về an toàn thực phẩm với sản phẩm nhập khẩu...



Ông Lê Thanh Hòa - Giám đốc Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp Quốc gia về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật (SPS), chia sẻ các cam kết về SPS trong Hiệp định EVFTA tại hội nghị

Ảnh: Nguyễn Minh Phong

Về quy định nhãn mác, bao bì sản phẩm nông thủy sản của thị trường EU và một số thị trường trọng điểm Việt Nam có FTA, ông Cao Xuân Quân – Giám đốc Văn phòng Thông báo Hối đáp về Hàng rào kỹ thuật trong Thương mại (TBT) Việt Nam (Bộ Khoa học Công nghệ) cũng cập nhật các quy định về nhãn mác, bao bì, đóng gói; hướng dẫn doanh nghiệp theo dõi cập nhật các thông báo, quy định TBT trong hoạt động xuất khẩu...

Ngoài ra, các diễn giả tại hội nghị còn lưu ý với doanh nghiệp các xu hướng mới trong tiêu dùng của thị trường EU liên quan kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường..., các

doanh nghiệp Việt Nam cần quan tâm, chuẩn bị và có chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp đáp ứng các xu hướng này.

Tại phiên thảo luận, với sự tham gia của các diễn giả đến từ Văn phòng SPS Việt Nam, Văn phòng TBT Việt Nam, Cục Bảo vệ Thực vật (Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn), các doanh nghiệp và các đại biểu tham dự, Hội nghị đã giúp tháo gỡ những vướng mắc cho doanh nghiệp thông qua việc giải đáp những tình huống thực tế mà một số doanh nghiệp đang gặp phải khi có nhu cầu tìm hiểu và xuất khẩu hàng hóa sang các nước thành viên EU. ■

CANADA ĐỀ XUẤT GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA: FENAZAQUIN (PMRL2022-16)

Ngày 12/9/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1454 nhằm đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Fenazaquin (PMRL2022-16).

■ **THS. TRẦN THÙY DUNG** - Cục Bảo vệ thực vật

Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2022-16 là tham khảo ý kiến về các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với fenazaquin đã được đề xuất bởi Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).

MRL (ppm) ¹	Hàng nông sản thô (RAC) và/ hoặc đã chế biến
20	Dầu cam quýt
2,0	Quả đá (nhóm cây trồng 12-09); quả phát triển thấp (phân nhóm cây trồng 13-07G)
0,8	Bushberries (phân nhóm cây trồng 13-07B); nho khô
0,7	Caneberries (phân nhóm cây trồng 13-07A); Cây nho leo quả nhỏ, trừ quả kiwi lông xù (phân nhóm cây trồng 13-07F) 0,6 Quả tròn (nhóm cây trồng 11-09)
0,4	Trái cây có múi (nhóm cây trồng 10) (sửa đổi)
0,3	Rau ăn quả (nhóm cây trồng 8-09); rau bầu bí (nhóm cây trồng 9)
1ppm= phần triệu	

Có thể tìm thấy các mặt hàng nằm trong các nhóm / phân nhóm cây trồng được liệt kê trên trang web nhóm cây trồng hóa chất dư lượng.

(<https://www.canada.ca/en/healthcanada/>

[services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protectingyour-health-environment/pesticides-food/residue-chemistry-crop-groups.html](https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protectingyour-health-environment/pesticides-food/residue-chemistry-crop-groups.html)) phần thuốc trừ sâu của trang web <http://Canada.ca>.



Ảnh: Nguồn Internet



Ảnh: Nguồn Internet

CANADA THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI DANH SÁCH CÁC CHẤT BẢO QUẢN ĐƯỢC PHÉP ĐỂ MỞ RỘNG VIỆC SỬ DỤNG KALI SORBATE CHO NƯỚC SỐT CÓ HƯƠNG VỊ HÀU (OYSTER)

Ngày 12/9/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1453 nhằm thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất bảo quản được phép để mở rộng việc sử dụng Kali Sorbate cho nước sốt có hương vị hàu (Oyster)

■ **THS. BÙI ĐỨC TOÀN** - Văn phòng SPS Việt Nam

Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã nhận được yêu cầu phê duyệt việc sử dụng Kali sorbate làm chất bảo quản ở mức tối đa 1/

phần triệu (ppm) trong nước sốt có hương vị hàu. Nước sốt có hương vị hàu được coi là một sản phẩm không theo tiêu chuẩn cá ở Canada, và do đó, không được phép chứa



kali sorbat do được ghi trong tiểu mục S.9 (2) của Phần 2 của Danh sách các chất bảo quản được phép.

Mục đích của thông báo này là để thông báo công khai quyết định của Bộ Y tế về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của phụ gia thực phẩm này. ■

Ảnh: Nguồn Internet

CANADA ĐỀ XUẤT GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA: HEXYTHIAZOX

Ngày 20/9/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1442/Add.1 nhằm đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Hexythiazox.

■ **TS. PHẠM DIỆU THÙY** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Gới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho hexythiazox được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1442 (ngày 24 tháng 6 năm 2022) đã được thông qua ngày 14 tháng 9 năm 2022. MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc cập nhật vào cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp trực tiếp dưới đây.

MRL (ppm) ¹	Hàng nông sản thô (RAC) và/ hoặc đã chế biến
15	Trà (lá khô)
¹ ppm = phần triệu	

MRL được thành lập ở Canada có thể được tìm thấy bằng cách sử dụng cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa của bộ y tế Canada (<https://>

pest-control.canada.ca/pesticide-registry/en/disclaimer-page.html) trên trang web giới hạn dư lượng tối đa cho thuốc bảo vệ thực vật (<https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protecting-yourhealth-enosystem/pesticides-food/maximum-residue-limits-pesticides.html>). Cơ sở dữ liệu cho phép người dùng tìm kiếm thuốc trừ sâu hoặc hàng hóa thực phẩm.



Ảnh: Nguồn Internet

CANADA ĐỀ XUẤT GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA: FLAZASULFURON

Ngày 12/9/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1441/Add.1 nhằm đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Flazasulfuron

■ **THS. TRẦN THUY DUNG** - Cục Bảo vệ thực vật

Dự thảo về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) cho flazasulfuron được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1441 (ngày 10 tháng 6 năm 2022) đã được thông qua ngày 4 tháng 9 năm 2022. MRL được thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp trực tiếp dưới đây:

MRL (ppm) ¹	Hàng nông sản thô (RAC) và/hoặc đã chế biến
0,01	Nho, quả việt quất xanh
¹ ppm= phần triệu	



Ảnh: Nguồn Internet

CANADA ĐỀ XUẤT GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA: OXATHIPIPROLIN

Ngày 12/9/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1440/Add.1 nhằm đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Oxathiapirolin

■ **BÙI MINH PHONG** - Văn phòng SPS Việt Nam

Dự thảo về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) cho oxathiapirolin được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1440 (ngày 10 tháng 6 năm

2022) đã được thông qua ngày 4 tháng 9 năm 2022. MRL được thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp trực tiếp dưới đây:

MRL (ppm) ¹	Hàng nông sản thô (RAC) và/ hoặc đã chế biến
5,0	Hoa bia (khô)
0,01	Đậu nành khô; hạt giống hoa hướng dương; trứng gà; mỡ, thịt và các sản phẩm phụ từ thịt của gia cầm
¹ ppm= phần triệu	



Ảnh: Nguồn Internet

Có thể tìm thấy các mặt hàng nằm trong các nhóm / phân nhóm cây trồng được liệt kê trên trang web nhóm cây trồng hóa chất dư lượng

(<https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protectingyour-health-environment/pesticides-food/residue-chemistry-crop-groups.html>) trong phần thuốc trừ sâu của trang web <http://Canada.ca>



Ảnh: Nguồn Internet

CANADA ĐỀ XUẤT GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA: FLUENSULFONE

Ngày 12/9/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1439/Add.1 nhằm đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Fluensulfone

■ **NGUYỄN NGỌC BÁCH** - Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản

Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho fluensulfone được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1439 (ngày 8 tháng 6 năm 2022) đã được thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2022. MRLs đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Mức tối đa Cơ sở dữ liệu Giới hạn Dư lượng và được cung cấp ngay bên dưới:

MRL (ppm) ¹	Hàng nông sản thô (RAC) và/ hoặc đã chế biến
20	Rau cải xanh có nhiều lá (phân nhóm cây trồng 5B)
15	Dầu cam quýt

4,0	Rau ăn củ (trừ củ cải đường) (phân nhóm cây trồng 1B), rau ăn lá (trừ rau cải Brassica) (nhóm cây trồng 4)
2,0	Khoai tây chiên
1,5	Rau cải xoăn (phân nhóm cây trồng 5A), nho khô
0,9	Táo khô
0,8	Các loại rau có củ và lá corm (phân nhóm cây trồng 1C), cây nho leo quả nhỏ (phân nhóm cây trồng 13-07D)
0,5	Quả mọng (phân nhóm cây trồng 13-07G)
0,4	Nhóm quả họ táo (nhóm cây trồng 11-09)
0,3	Cam quýt (nhóm cây trồng 10) (sữa đổi), mật mía
0,15	Quả hạch (nhóm cây trồng 12-09)
0,06	Cây mía
0,02	Quả hạch cây (nhóm cây trồng 14-11)
1ppm= phần triệu	



Ảnh: Nguồn Internet



Ảnh: Nguồn Internet



Ảnh: Nguồn Internet

CANADA ĐỀ XUẤT GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA: DIMETHOATE

Ngày 12/9/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1438/Add.1 nhằm đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Dimethoate

■ **TS. ĐÀO VĂN CƯỜNG** - Văn phòng SPS Việt Nam

Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) cho Dimethoate được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1438 (ngày 8 tháng 6 năm 2022) đã được thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2022. MRL được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp trực tiếp dưới đây:

MRL (ppm) ¹	Hàng nông sản thô (RAC) và/ hoặc đã chế biến
0,04	Canarygrass
1ppm= phần triệu	



Ảnh: Nguồn Internet

CANADA ĐỀ XUẤT GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA: TIAFENACIL

Ngày 12/9/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1422/Add.1 nhằm đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Tiafenacil

■ **THS. NGUYỄN HỮU HÒA** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên



Ảnh: Nguồn Internet



Ảnh: Nguồn Internet

Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) cho tiafenacil được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1422 (ngày 10 tháng 1 năm 2022) đã

được thông qua vào ngày 30 tháng 8 năm 2022. MRL được thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp trực tiếp dưới đây:

MRL (ppm) ¹	Hàng nông sản thô (RAC) và/ hoặc đã chế biến
0,01	Đậu nành khô; trứng gà; mỡ, thịt và các phụ phẩm từ thịt của gia súc, dê, lợn, ngựa, gia cầm và cừu; ngô; quả nho; sữa; hạt bắp rang bơ; lúa mì
1ppm= phần triệu	

CANADA THÔNG BÁO SỬA ĐỔI CỦA BỘ Y TẾ CANADA ĐỂ CẬP NHẬT MỨC TỐI ĐA CHO TỔNG LƯỢNG ARSEN VÔ CƠ TRONG NƯỚC ÉP TRÁI CÂY VÀ MẬT HOA QUẢ

Ngày 20/8/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1382/Add.1 nhằm thông báo về việc sửa đổi của Bộ Y tế Canada để cập nhật mức tối đa cho tổng lượng arsen vô cơ trong nước ép trái cây và mật hoa quả

■ **TS. DƯƠNG THỊ HỒNG DUYÊN** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên



Ngày 9 tháng 4 năm 2021, Bộ Y tế Canada đã công bố đề xuất cập nhật mức tối đa cho tổng lượng arsen vô cơ trong nước ép trái cây và mật hoa quả trong danh sách các chất gây ô nhiễm và các chất kết dính khác trong thực phẩm (NOP / ADP C-2021-2) được công khai để góp ý trong 75 ngày.



Ảnh: Nguồn Internet

Không có thông tin khoa học mới nào được nhận trong thời gian ham vấn. Do đó, Bộ Y tế Canada đã thiết lập mức arsen vô cơ tối đa mới là 0,01 ppm trong nước trái cây và mật hoa quả ngoại trừ nước ép nho và mật hoa nho, và arsen vô cơ 0,03 ppm trong nước ép nho và mật hoa nho, vào phần 2 của danh sách các chất gây ô nhiễm và các chất kết dính khác trong thực phẩm, có hiệu lực từ ngày 17 tháng 8 năm 2022, như được mô tả trong tài liệu thông tin.

Thông báo này là để thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những thắc mắc hoặc cho những người muốn gửi thông tin mới liên quan đến đánh giá khoa học của Bộ Y tế Canada. ■

NHẬT BẢN THÔNG QUA CÁC GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA (MRL) ĐƯỢC ĐỀ XUẤT CHO UNICONAZOLE-P

Ngày 01/9/2022, Nhật Bản đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/920/Add.1 nhằm thông báo về việc thông qua giới hạn dư lượng tối đa hoạt chất uniconazole-P.

■ **TS. PHẠM DIỆU THÙY** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Mặt hàng	MRL (thay mới) ppm	MRL (trước đây) ppm
Gạo (gạo lức)	0.02	0.1
Củ cải đường	0.05	0.1
Cải bắp	0.05	0.1
Cải Bruxen		0.1
Xà lách	0.05	0.05
Hành	0.05	0.05
Cà chua	0.05	
Hành Dầu tây	0.05	0.1
Trái bơ	0.5	0.5

NHẬT BẢN THÔNG QUA CÁC GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA (MRL) ĐƯỢC ĐỀ XUẤT CHO PYRIBENCARB

Ngày 01/9/2022, Nhật Bản đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/919/Add.1 nhằm thông báo về việc thông qua giới hạn dư lượng tối đa hoạt chất pyribencarb.

■ **THS. NGUYỄN HỮU HÒA** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Mặt hàng	MRL (thay mới) ppm	MRL (trước đây) ppm
Gạo (gạo lức)	0.2	0.2
Lúa mì	0.7	0.7
Đậu nành khô	0.7	0.7
Đậu Hà Lan	2	2
Đậu tằm	2	2
Bắp cải	2	2
Súp lơ xanh	2	2
Xà lách	30	20
Hành	0.1	0.1
Tỏi	0.1	
Măng tây	0.5	0.5
Cà rốt	0.6	0.7
Cà chua	3	3
Cà tím	2	2
Dưa chuột	1	1

Dưa hấu		0.2
Đậu bắp	2	
Chanh	5	5
Cam	5	5
Bưởi	5	5
Táo	2	2
Lê Nhật	3	3
Lê	3	3
Đào		0.5
Mơ	2	2
Mận Nhật	5	5
Dâu tây	8	5
Nho	4	2
Hồng Nhật	1	1
Quả kiwi	0.2	0.2
Trà	40	40
Cá	0.04	0.04

DANH SÁCH CÁC THÔNG BÁO VỀ DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) TRONG THÁNG 9 NĂM 2022

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/SGP/78	Singapore	30/09/2022	Dự thảo (bản sửa đổi số X) quy định thực phẩm 2022 (yêu cầu ghi nhãn đối với thực phẩm đóng gói sẵn)
2	G/SPS/N/NZL/697	New Zealand	30/09/2022	Dự thảo tiêu chuẩn y tế nhập khẩu: Bộ động vật ăn thịt
3	G/SPS/N/EU/603	Liên minh Châu Âu	30/09/2022	Dự thảo quy chế thực thi của Ủy ban thay đổi việc phê duyệt hoạt chất captan theo quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng liên quan đến việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường và sửa đổi phụ lục của quy định thực thi của Ủy ban (EU) số 540/2011
4	G/SPS/N/BRA/2078	Brazil	30/09/2022	RIG.MU.SP.BO.CA.OV.SU.FI.SET.22. Yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu nội tạng và các phụ phẩm không ăn được khác của gia súc, cừu, dê và lợn cho mục đích công nghiệp (trừ não, tủy, amidan, hạch, mô bạch huyết, tuyến ức, tuyến tụy, lá lách và ruột).
5	G/SPS/N/BRA/2077	Brazil	30/09/2022	RIG.MU.SP.BO.CA.OV.SU.AA.SET.22. Yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu nội tạng và các phụ phẩm không ăn được khác của gia súc, cừu, dê và lợn để làm thức ăn cho động vật (trừ não, tủy, amidan, hạch, mô bạch huyết, tuyến ức, tụy, lá lách và ruột).
6	G/SPS/N/ARE/258, G/SPS/N/BHR/225 G/SPS/N/KWT/122, G/SPS/N/OMN/121 G/SPS/N/QAT/125, G/SPS/N/SAU/477 G/SPS/N/YEM/66	Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất	29/09/2022	Hướng dẫn của Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh (GCC) về kiểm soát thực phẩm nhập khẩu và cơ chế thực hiện

7	G/SPS/N/UKR/178 /Rev.1	Ukraine	29/09/2022	Dự thảo nghị quyết của nội các bộ trưởng Ukraine "Về việc phê duyệt quy chế đăng ký nhà nước đối với các sản phẩm thuốc thú y".
8	G/SPS/N/IND/288	Ấn Độ	29/09/2022	Dự thảo quy định sửa đổi về tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (ghi nhãn & trình bày), 2022
9	G/SPS/N/CHN/1262	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm 5-Pentyl-3H-furan-2-one.
10	G/SPS/N/CHN/1261	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của P.R.C: Phụ gia thực phẩm advantame.
11	G/SPS/N/CHN/1260	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm chromium theaflavins
12	G/SPS/N/CHN/1259	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm chiết xuất từ quillaja saponaria molina bark
13	G/SPS/N/CHN/1258	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm iron tartrate
14	G/SPS/N/CHN/1257	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C để sử dụng phụ gia thực phẩm.
15	G/SPS/N/CHN/1256	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm cellulose
16	G/SPS/N/CHN/1255	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm pentaerythritol ester của nhựa thông.
17	G/SPS/N/CHN/1254	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm các chế phẩm enzym thực phẩm
18	G/SPS/N/CHN/1253	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm lactitol (còn được gọi là 4-O-β-D -Galactopyranosyl-D-glucitol)
19	G/SPS/N/CHN/1252	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm canxi hydroxit
20	G/SPS/N/CHN/1251	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm sáp muối trái cây axit béo morpholine
21	G/SPS/N/CHN/1250	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm quinoline yellow

22	G/SPS/N/CHN/1249	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm natri formate
23	G/SPS/N/CHN/1248	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm methyl cellulose
24	G/SPS/N/CHN/1247	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm natri sulfat bản sửa đổi số 1
25	G/SPS/N/CHN/1246	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: phụ gia thực phẩm disodium EDTA bản sửa đổi số 1
26	G/SPS/N/CHN/1245	Trung Quốc	29/09/2022	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: Phụ gia thực phẩm canxi ascorbate bản sửa đổi số 1
27	G/SPS/N/CRI/249	Costa Rica	23/09/2022	Nghị quyết số 225-2022-NR-ARP-SFE - Cục Tiêu chuẩn và quy định, Cơ quan phân tích rủi ro dịch hại, sửa đổi các biện pháp kiểm dịch thực vật được áp dụng để giảm thiểu nguy cơ du nhập côn trùng thuộc họ <i>Diaspididae</i> và <i>Coccidae</i> (<i>Hemiptera: Coccoidea: Diaspididae</i> và <i>Coccidae</i>) trong sản phẩm tươi để tiêu dùng, sản phẩm tươi cho công nghiệp, hoa tươi cắt cành làm cảnh và cành lá tươi cắt cành làm cảnh. San José, lúc 10 giờ 20 sáng ngày 7 tháng 9 năm 2022
28	G/SPS/N/BRA/2076	Brazil	23/09/2022	Pháp lệnh SDA số 656, ngày 16 tháng 9 năm 2022 - cho phép nhập khẩu, vận chuyển và lưu giữ các chủng vi rút lở mồm long móng (LMLM) trong nước để sản xuất, kiểm tra chất lượng, thương mại hóa và xuất khẩu các sản phẩm thú y, các kháng nguyên hoạt động và bất hoạt, cũng như để thực hiện chẩn đoán và nghiên cứu quan tâm đến bảo vệ sức khỏe động vật
29	G/SPS/N/UKR/188	Ukraine	23/09/2022	Dự thảo lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ukraine "về việc phê duyệt các yêu cầu vệ sinh đối với sản xuất và đưa vào thị trường các sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật".
30	G/SPS/N/UKR/187	Ukraine	22/09/2022	Nghị quyết của Nội các bộ trưởng Ukraine ngày 10 tháng 9 năm 2022 số 1029 "về việc sửa đổi Đoạn 1 của Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraine ngày 1 tháng 4 năm 2022 số 398" "một số vấn đề về thực hiện các biện pháp và thủ tục KDTV theo quân luật"

31	G/SPS/N/BRA/2074	Brazil	22/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1114, ngày 6 tháng 9 năm 2022
32	G/SPS/N/BRA/2073	Brazil	22/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1113, ngày 6 tháng 9 năm 2022
33	G/SPS/N/TPKM/596	Đài Loan	20/09/2022	Dự thảo sửa đổi "Giới hạn sử dụng và yêu cầu ghi nhãn của 2'-fucosyllactose được tạo ra bởi chủng <i>Escherichia coli</i> BL21 (DE3) # 1540 biến đổi gen như một thành phần thực phẩm" và "Hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn của 2'-fucosyllactose được sản xuất bằng cách biến đổi gen chủng <i>Escherichia coli</i> K-12 DH1 MDO MAP1001d làm nguyên liệu thực phẩm".
34	G/SPS/N/KOR/761	Hàn Quốc	19/09/2022	Đề xuất sửa đổi "Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu"
35	G/SPS/N/EU/602	Liên minh châu Âu	15/09/2022	Quy định thực thi của ủy ban (EU) 2022/1472 ngày 5 tháng 9 năm 2022 liên quan đến việc cho phép mangan lysinate sulphat làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
36	G/SPS/N/EU/601	Liên minh châu Âu	15/09/2022	Quy định thực thi của ủy ban (EU) 2022/1469 ngày 5 tháng 9 năm 2022 liên quan đến việc cho phép L-lysine sulphat được sản xuất bởi <i>Escherichia coli</i> CGMCC 7.398 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
37	G/SPS/N/EU/600	Liên minh châu Âu	15/09/2022	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1490 ngày 01 tháng 3 năm 2022 liên quan đến việc cấp phép cho tinh dầu chanh chiết xuất, phần còn lại của tinh dầu chanh chưng cất, tinh dầu chanh chưng cất (phần dễ bay hơi) và tinh dầu chanh chưng cất làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật nhất định
38	G/SPS/N/THA/581	Thái Lan	13/09/2022	Dự thảo Thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH), số... B.E. (...) được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm B.E. 2522 mang tên "Quy định nguyên tắc, điều kiện, phương pháp và tỷ lệ phụ gia thực phẩm (số 3)".
39	G/SPS/N/NZL/696	New Zealand	13/09/2022	Dự thảo Tiêu chuẩn sức khỏe thực vật nhập khẩu - Ngũ cốc và Hạt giống để tiêu thụ, thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến.

40	G/SPS/N/NZL/695	New Zealand	13/09/2022	Đề xuất sửa đổi Thông báo thực phẩm của New Zealand (Mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp)
41	G/SPS/N/EU/599	EU	13/09/2022	Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1493 ngày 8 tháng 9 năm 2022 liên quan đến việc cho phép L-methionine được sản xuất bởi <i>Corynebacterium glutamicum</i> KCCM 80245 và <i>Escherichia coli</i> KCCM 80246 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
42	G/SPS/N/EU/598	EU	13/09/2022	Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1492 ngày 8 tháng 9 năm 2022 liên quan đến việc cho phép L-valine do <i>Escherichia coli</i> CCTCC M2020321 sản xuất làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
43	G/SPS/N/GEO/28	Gruzia	12/09/2022	Quy định về việc di chuyển phi thương mại động vật nuôi theo phong tục của người Georgia.
44	G/SPS/N/CAN/1454	Canada	12/09/2022	Đề xuất Giới hạn dư lượng tối đa: Fenazaquin (PMRL2022-16).
45	G/SPS/N/CAN/1453	Canada	12/09/2022	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất bảo quản được phép để mở rộng việc sử dụng Kali Sorbate cho nước sốt có hương vị hào (Oyster)
46	G/SPS/N/JPN/1103	Nhật Bản	07/09/2022	Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
47	G/SPS/N/JPN/1102	Nhật Bản	07/09/2022	Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
48	G/SPS/N/JPN/1101	Nhật Bản	07/09/2022	Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
49	G/SPS/N/JPN/1100	Nhật Bản	07/09/2022	Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
50	G/SPS/N/JPN/1099	Nhật Bản	07/09/2022	Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)

51	G/SPS/N/JPN/1098	Nhật Bản	07/09/2022	Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
52	G/SPS/N/JPN/1097	Nhật Bản	07/09/2022	Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
53	G/SPS/N/JPN/1096	Nhật Bản	07/09/2022	Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
54	G/SPS/N/CRI/248	Croatia	07/09/2022	Dự thảo Nghị quyết SENASA-DMV-XX-2022 - Tổng cục Thú y quốc gia, Cơ quan Thú y Quốc gia - Barreal de Ulloa, Heredia tại (thời điểm) ngày (ngày) (năm), cấm nhập khẩu, sản xuất, tiếp thị hoặc sử dụng thuốc thú y chứa arsen hoặc các hợp chất của arsen
55	G/SPS/N/NPL/37	Nepal	06/09/2022	Tiêu chuẩn để xuất cho thức ăn gia cầm
56	G/SPS/N/GBR/20	Vương quốc Anh	06/09/2022	Giấy phép cho bốn sản phẩm thực phẩm mới và thay đổi các điều kiện sử dụng và đặc điểm kỹ thuật đối với giấy phép hiện có.
57	G/SPS/N/EU/597	EU	06/09/2022	Dự thảo sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với isoxaben, novaluron và tetraconazole trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định
58	G/SPS/N/USA/3346	Hoa Kỳ	05/09/2022	Tiếp nhận một số đơn đệ trình liên quan đến việc dư lượng của hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các hàng hóa khác nhau. Thông báo về việc tiếp nhận đơn đệ trình và yêu cầu góp ý.
59	G/SPS/N/TUR/128	Thổ Nhĩ Kỳ	05/09/2022	Giấy chứng nhận sức khỏe thú y cho việc xuất khẩu chất béo được sử dụng cho mục đích làm nguyên liệu trong chuỗi thức ăn chăn nuôi (không dành cho người tiêu dùng) và để sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho Thổ Nhĩ Kỳ
60	G/SPS/N/TPKM/594	Đài Loan	02/09/2022	Dự thảo tiêu chuẩn vệ sinh cho dụng cụ, hộp đựng và bao bì thực phẩm.

61	G/SPS/N/NPL/36	Nepal	02/09/2022	Luật bảo vệ thực vật 2007, bản sửa đổi lần thứ nhất năm 2022
62	G/SPS/N/BRA/2072	Brazil	02/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1110, ngày 25 tháng 8 năm 2022.
63	G/SPS/N/USA/3346	Hoa Kỳ	02/09/2022	Tiếp nhận một số đơn đệ trình liên quan đến việc dư lượng của hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các hàng hóa khác nhau. Thông báo về việc tiếp nhận đơn đệ trình và yêu cầu góp ý.
64	G/SPS/N/UKR/185	Ukraine	01/09/2022	Dự thảo của Bộ Y tế Ukraine "Về việc phê duyệt mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa trong/trên thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật và động vật, danh sách các sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật được thiết lập mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa, danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật không xác lập mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa".
65	G/SPS/N/THA/571	Thái Lan	01/09/2022	Thực hiện mẫu giấy chứng nhận KDTV mới và giấy chứng nhận KDTV tái xuất do DOA Thái Lan cấp

2. Danh sách quy định về SPS có hiệu lực

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/USA/3214 /Add.1	Hoa Kỳ	30/09/2022	Danh sách các chất phụ gia tạo màu được miễn chứng nhận: Canxi cacbonat; quy tắc cuối cùng
2	G/SPS/N/JPN/1076/ Add.1	Nhật Bản	30/09/2022	Sửa đổi pháp lệnh thực thi Đạo luật Bảo vệ thực vật và các yêu cầu liên quan
3	G/SPS/N/EU/524 /Add.1	Liên minh Châu Âu	22/09/2022	Vật liệu nhựa tái chế và các vật phẩm dùng để tiếp xúc với thực phẩm
4	G/SPS/N/UKR/166 /Add.1	Ukraine	20/09/2022	Dự thảo lệnh của bộ y tế Ukraine về việc "phê duyệt các yêu cầu an toàn và một số chỉ tiêu chất lượng đối với thức ăn của trẻ em"
5	G/SPS/N/UGA/158 /Add.2	Uganda	20/09/2022	DUS 2238: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - súp và nước dùng, ấn bản lần một
6	G/SPS/N/UGA/156 /Add.2	Uganda	20/09/2022	DUS 889: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - rau khô và thảo mộc để sử dụng, ấn bản lần hai
7	G/SPS/N/UGA/155 /Add.2	Uganda	20/09/2022	DUS 882: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - hoa quả sấy giòn, ấn bản lần hai

8	G/SPS/N/UGA/154 /Add.2	Uganda	20/09/2022	DUS 887: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - trái cây sấy khô, ấn bản lần hai
9	G/SPS/N/UGA/148 /Add.2	Uganda	20/09/2022	DUS 871: 2020, Đặc điểm kỹ thuật - đồ uống ngũ cốc mạch nha, ấn bản lần hai
10	G/SPS/N/UGA/147 /Add.2	Uganda	20/09/2022	DUS 1600: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - chất làm trắng sữa, ấn bản lần hai
11	G/SPS/N/UGA/146 /Add.2	Uganda	20/09/2022	DUS 2245: 2020, Đặc điểm kỹ thuật - an toàn thực phẩm, ấn bản lần một
12	G/SPS/N/UGA/145 /Add.2	Uganda	20/09/2022	DUS 2172: 2020, Đặc điểm kỹ thuật - dầu hạt chia, ấn bản lần một
13	G/SPS/N/UGA/129 /Add.2	Uganda	20/09/2022	DUS DEAS 1011: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - phô mai <i>cheddar</i> , ấn bản lần một
14	G/SPS/N/UGA/103 /Add.2	Uganda	20/09/2022	DUS DEAS 1003: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - bơ hạt điều, ấn bản lần một
15	G/SPS/N/UGA/102 /Add.2	Uganda	20/09/2022	DUS DEAS 1002: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - nhân hạt điều rang, ấn bản lần một
16	G/SPS/N/UGA/101 /Add.2	Uganda	20/09/2022	DUS DEAS 1001: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - nhân hạt điều thô, ấn bản lần một
17	G/SPS/N/UGA/100 /Add.2	Uganda	20/09/2022	DUS DEAS 1000: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - hạt điều thô, ấn bản lần một
18	G/SPS/N/CAN/1442 /Add.1	Canada	20/09/2022	Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa đối với hexythiazox
19	G/SPS/N/BRA/2047 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1096, ngày 2 tháng 6 năm 2022
20	G/SPS/N/BRA/2044 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1095, ngày 12 tháng 5 năm 2022
21	G/SPS/N/BRA/2041 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1094, ngày 5 tháng 5 năm 2022
22	G/SPS/N/BRA/2037 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1091, ngày 20 tháng 4 năm 2022
23	G/SPS/N/BRA/2036 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1090, ngày 20 tháng 4 năm 2022
24	G/SPS/N/BRA/2031 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1083, ngày 17 tháng 3 năm 2022
25	G/SPS/N/BRA/2030 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1084, ngày 17 tháng 3 năm 2022
26	G/SPS/N/BRA/2029 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1085, ngày 17 tháng 3 năm 2022
27	G/SPS/N/BRA/2028 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1086, ngày 18 tháng 3 năm 2022
28	G/SPS/N/BRA/2027 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1087, ngày 18 tháng 3 năm 2022

29	G/SPS/N/BRA/2026 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1088, ngày 24 tháng 3 năm 2022
30	G/SPS/N/BRA/2020 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1089, ngày 31 tháng 3 năm 2022
31	G/SPS/N/BRA/2019 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1082, ngày 16 tháng 3 năm 2022
32	G/SPS/N/BRA/2018 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1081, ngày 10 tháng 3 năm 2022
33	G/SPS/N/BRA/2017 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1080, ngày 10 tháng 3 năm 2022
34	G/SPS/N/BRA/2014 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1079, ngày 25 tháng 2 năm 2022
35	G/SPS/N/BRA/2013 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1078, ngày 25 tháng 2 năm 2022
36	G/SPS/N/BRA/2003 /Add.1	Brazil	20/09/2022	Dự thảo nghị quyết số 1060, ngày 20 tháng 12 năm 2021
37	G/SPS/N/EU/534 /Add.1	Liên minh châu Âu	14/09/2022	Mức dư lượng tối đa đối với 1,4-dimethylnaphthalene, 8-hydroxyquinoline, pinoxaden và valifenalate trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định
38	G/SPS/N/EU/533 /Add.1	Liên minh châu Âu	14/09/2022	Mức dư lượng tối đa đối với 2,4-D, azoxystrobin, cyhalofop-butyl, cymoxanil, fenhexamid, flazasulfuron, florasulam, fluroxypyr, iprovalicarb và silthiofam trong hoặc trên các sản phẩm nhất định
39	G/SPS/N/EU/532 /Add.1	Liên minh châu Âu	14/09/2022	Mức dư lượng tối đa đối với methoxyfenozide, propoxur, spinosad và thiram trong hoặc trên các sản phẩm nhất định
40	G/SPS/N/EU/491 /Add.1	Liên minh châu Âu	14/09/2022	Monacolins từ men gạo đỏ
41	G/SPS/N/USA/3324/ Add.1	Hoa Kỳ	13/09/2022	Danh sách các chất phụ gia tạo màu được miễn chứng nhận; Antarctic Krill Meal; Xác nhận Ngày có hiệu lực
42	G/SPS/N/CAN/1441/ Add.1	Canada	12/09/2022	Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa đối với flazasulfuron
43	G/SPS/N/CAN/1440 /Add.1	Canada	12/09/2022	Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa đối với oxathiapiprolin
44	G/SPS/N/CAN/1439 /Add.1	Canada	12/09/2022	Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa đối với fluensulfone
45	G/SPS/N/CAN/1438 /Add.1	Canada	12/09/2022	Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa đối với dimethoate

46	G/SPS/N/CAN/1422 /Add.1	Canada	12/09/2022	Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa đối với tiafenacil
47	G/SPS/N/NZL/686 /Add.1	New Zealand	06/09/2022	Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cho các container tàu biển từ tất cả các quốc gia
48	G/SPS/N/UKR/173 /Add.1	Ukraine	02/09/2022	Thông qua lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực Ukraine "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với các cơ sở sản xuất, chế biến và lưu trữ vật liệu sinh sản, động vật - người cho vật liệu sinh sản, thu gom, chế biến, bảo quản, vận chuyển và dán nhãn sinh sản vật chất"
49	G/SPS/N/JPN/920 /Add.1	Nhật Bản	01/09/2022	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
50	G/SPS/N/JPN/919 /Add.1	Nhật Bản	01/09/2022	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
51	G/SPS/N/JPN/918 /Add.1	Nhật Bản	01/09/2022	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
52	G/SPS/N/JPN/917 /Add.1	Nhật Bản	01/09/2022	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
53	G/SPS/N/JPN/916 /Add.1	Nhật Bản	01/09/2022	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
54	G/SPS/N/JPN/915 /Add.1	Nhật Bản	01/09/2022	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
55	G/SPS/N/JPN/914 /Add.1	Nhật Bản	01/09/2022	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ:

<http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien>

hoặc tham khảo trên: <https://docs.wto.org>



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn/>

